

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGÂN HÀNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



BẢN MÔ TẢ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
VÀ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

NGÀNH : LUẬT KINH TẾ

Mã ngành: 7380107

(Áp dụng từ khóa tuyển sinh 2024)

Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 07 năm 2024

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC CHÍNH QUY

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2068/QĐ-ĐHNH, ngày 01 tháng 7 năm 2024
của Hiệu trưởng trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh)*

- Tên chương trình (Tiếng Việt): **LUẬT KINH TẾ**
- Tên chương trình (Tiếng Anh): **ECONOMIC LAW**
- Trình độ đào tạo: **Đại học**
- Ngành đào tạo: **Luật kinh tế**
- Mã ngành: **7380107**
- Hình thức đào tạo: **Chính quy tập trung**
- Chuẩn đầu vào: Thực hiện theo đề án tuyển sinh
- Thời gian đào tạo: **04 năm (08 học kỳ)**
- Thời điểm cập nhật bản chương trình đào tạo: **tháng 7 năm 2024**

1. Mục tiêu của chương trình đào tạo

1.1. Mục tiêu chung (PO)

Chương trình đào tạo luật kinh tế có định hướng nghiên cứu, người tốt nghiệp có kiến thức cơ bản về xã hội, chính trị, kinh tế, có kiến thức lý luận và thực tiễn pháp luật và tư duy pháp lý. Trên cơ sở đó, người tốt nghiệp vận dụng được kiến thức pháp luật kinh tế chuyên sâu vào các hoạt động kinh doanh; có kỹ năng, đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm với xã hội, khả năng hành nghề và phát triển nghề nghiệp trong môi trường làm việc đa dạng liên quan đến pháp luật và có khả năng học tiếp kỹ năng nghề nghiệp cụ thể, học ở các bậc học cao hơn.

1.2. Mục tiêu cụ thể (POi)

- PO1.** Có kiến thức nền tảng về khoa học xã hội, khoa học chính trị, kinh tế và khả năng vận dụng kiến thức đó vào cuộc sống, hoạt động nghề nghiệp.
- PO2.** Thể hiện phẩm chất cá nhân, nghề nghiệp và khả năng định hướng phát triển nghề nghiệp theo sự thay đổi của môi trường kinh tế, xã hội.
- PO3.** Thể hiện kỹ năng tư duy, sáng tạo, phản biện, làm việc nhóm, giao tiếp hiệu quả trong các hoạt động nghề nghiệp.

PO4. Có năng lực về ngoại ngữ và công nghệ thông tin để đáp ứng với môi trường làm việc đa dạng, chuyên nghiệp, hội nhập.

PO5. Có kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực pháp luật kinh tế để áp dụng trong bối cảnh xã hội, hội nhập quốc tế và khả năng đánh giá vấn đề pháp lý trong kinh doanh để làm việc.

2. Chuẩn đầu ra (CĐR) của chương trình đào tạo (PLOs) và Chỉ số đánh giá kết quả thực hiện (PIIn)

Người học khi tốt nghiệp chương trình đào tạo Ngành Luật kinh tế của Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh có khả năng:

Ký hiệu CĐR (PLOs)	Ký hiệu CSĐG (PIIn)	Chuẩn đầu ra PLO/ Chỉ số đánh giá PI	Mức độ đạt được	GHI CHÚ
PLO1		Có kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, chính trị, kinh tế để hiểu những vấn đề cuộc sống và hoạt động nghề nghiệp	2	
	<i>PI 1.1</i>	Hiểu các kiến thức cơ bản về khoa học chính trị	2	
	<i>PI 1.2</i>	Hiểu các kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, kinh tế	2	
PLO2		Có khả năng vận dụng tư duy phản biện trong giải quyết các vấn đề nghề nghiệp	4	
	<i>PI 2.1</i>	Khả năng phân tích, đánh giá và đưa ra quyết định thông qua quá trình suy luận và phản biện	4	
	<i>PI 2.2</i>	Khả năng vận dụng tư duy pháp luật đánh giá các vấn đề trong nghề nghiệp	4	
PLO3		Có năng lực làm việc theo nhóm, truyền đạt hiệu quả	3	
	<i>PI 3.1</i>	Triển khai, phối hợp công việc, có trách nhiệm trong nhóm	3	
	<i>PI 3.2</i>	Thực hiện truyền đạt hiệu quả trong hoạt động nhóm	3	
PLO4		Thể hiện tính chủ động, tích cực trong học tập, nghiên cứu đáp ứng yêu cầu học tập suốt đời	3	
	<i>PI 4.1</i>	Có khả năng chủ động, tích cực học tập	3	
	<i>PI 4.2</i>	Tham gia nghiên cứu, đáp ứng yêu cầu học tập suốt đời	3	
PLO5		Có đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp, có thái độ chuyên nghiệp và trách nhiệm xã hội, cộng đồng	4	

Ký hiệu CDR (PLOs)	Ký hiệu CSDG (PIIn)	Chuẩn đầu ra PLO/ Chỉ số đánh giá PI	Mức độ đạt được	GHI CHÚ
	PI 5.1	Tuân thủ các quy định pháp luật và chuẩn mực đạo đức trong lĩnh vực nghề nghiệp	4	
	PI 5.2	Thể hiện sự chuyên nghiệp trong giao tiếp, ứng xử, và quản lý tình huống trong môi trường nghề nghiệp	4	
	PI 5.3	Đóng góp và thể hiện trách nhiệm xã hội, cộng đồng và có tinh thần khởi nghiệp	4	
PLO6		Có khả năng vận dụng thành thạo kiến thức nền tảng và chuyên sâu để giải quyết các vấn đề chuyên môn	3	
	PI 6.1	Có khả năng vận dụng thành thạo kiến thức nền tảng để giải quyết các vấn đề chuyên môn	3	
	PI 6.2	Có khả năng vận dụng thành thạo kiến thức chuyên sâu để giải quyết các vấn đề chuyên môn	3	
PLO7		c	4	
	PI 7.1	Xác định các giải pháp ứng dụng pháp luật trong lĩnh vực pháp luật chung	3	
	PI 7.2	Xác định các giải pháp ứng dụng trong lĩnh vực pháp luật kinh doanh	4	
PLO8		Có khả năng thích ứng với các xu hướng thay đổi trong lĩnh vực chuyên môn, nghề nghiệp	4	
	PI 8.1	Xác định các xu hướng hiện tại và mới nổi trong lĩnh vực pháp luật	3	
	PI 8.2	Phân tích rủi ro, cơ hội liên quan đến việc thay đổi xu hướng trong lĩnh vực pháp luật	4	
PLO9		Khả năng sử dụng Tiếng Anh từ bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam	3	
	PI 09.1	Giao tiếp tiếng Anh hiệu quả bằng lời nói, văn bản	3	
	PI 09.2	Khả năng sử dụng tiếng Anh để tiếp cận, cập nhật kiến thức pháp luật	3	
PLO10		Có kiến thức công nghệ thông tin nâng cao để giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực chuyên môn, nghề nghiệp	3	

Ký hiệu CĐR (PLOs)	Ký hiệu CSDG (PIIn)	Chuẩn đầu ra PLO/ Chỉ số đánh giá PI	Mức độ đạt được	GHI CHÚ
	<i>PI 10.1</i>	Khả năng sử dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực kinh tế, pháp luật	3	
	<i>PI 10.2</i>	Ứng dụng công nghệ thông tin để giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực pháp luật	3	
PLO11		Có kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực pháp luật để áp dụng trong nước, quốc tế và khả năng đánh giá vấn đề pháp lý trong kinh doanh	4	
	<i>PI 11.1</i>	Kiến thức pháp luật chuyên sâu về hoạt động kinh doanh trong nước và quốc tế.	4	
	<i>PI 11.2</i>	Có khả năng áp dụng kiến thức pháp luật kinh tế trong môi trường làm việc thực tiễn	4	
	<i>PI 11.3</i>	Có khả năng áp dụng kiến thức pháp luật đánh giá về chính sách pháp luật, thực tiễn kinh doanh	4	

3. Ma trận quan hệ giữa Mục tiêu (POi) và Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)

Mối liên hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT ở bảng bên dưới cho thấy rằng sinh viên có thể đạt được mục tiêu của CTĐT nếu đáp ứng được các chuẩn đầu ra của CTĐT.

Mục tiêu của CTĐT (POi)		Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLOs) (Đánh dấu X vào ô có liên quan)										
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
Mục tiêu chung:		Chương trình đào tạo luật kinh tế có định hướng nghiên cứu, người tốt nghiệp có kiến thức cơ bản về xã hội, chính trị, kinh tế, có kiến thức khoa học pháp lý và tư duy pháp lý hệ thống. Trên cơ sở đó, người tốt nghiệp vận dụng được kiến thức pháp luật kinh tế chuyên sâu vào các hoạt động kinh doanh; có kỹ năng, đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm với xã hội, khả năng hành nghề và phát triển nghề nghiệp trong môi trường làm việc đa dạng liên quan đến pháp luật và có khả năng học tiếp kỹ năng nghề nghiệp cụ thể, học ở các bậc học cao hơn.										
Mục tiêu cụ thể:												
PO1	Có kiến thức nền tảng về khoa học xã hội, khoa học chính trị, kinh tế và khả năng vận dụng kiến thức đó vào cuộc sống, hoạt động nghề nghiệp	X					X					
PO2	Có phẩm chất cá nhân, nghề nghiệp và khả năng định hướng phát triển nghề nghiệp theo sự thay đổi của môi trường kinh tế, xã hội					X			X			
PO3	Có kỹ năng tư duy, sáng tạo, phân biện, làm việc nhóm, giao tiếp hiệu quả trong các hoạt động nghề nghiệp.		X	X				X				
PO4	Có năng lực về ngoại ngữ và công nghệ thông tin đáp ứng với môi trường làm việc chuyên nghiệp và hội nhập.									X	X	
PO5	Có kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực pháp luật kinh tế để áp dụng trong bối cảnh xã hội, hội nhập quốc tế và khả năng đánh giá vấn đề pháp lý trong kinh doanh để làm việc.				X				X			X

Ma trận thể hiện sự tương thích giữa POs, PLOs và PIs.

PO	PLO	PI
PO1: Có kiến thức nền tảng về khoa học xã hội, khoa học chính trị, kinh tế và khả năng vận dụng kiến thức đó vào cuộc sống, hoạt động nghề nghiệp	PLO1: Có kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, kinh tế, chính trị để hiểu những vấn đề cuộc sống và hoạt động nghề nghiệp	PI1.1 Hiểu các kiến thức cơ bản về khoa học chính trị trong bối cảnh xã hội và nghề nghiệp
		PI1.2 Hiểu các kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, kinh tế trong bối cảnh xã hội và nghề nghiệp
	PLO6: Có khả năng vận dụng thành thạo kiến thức nền tảng và chuyên sâu để giải quyết các vấn đề chuyên môn	PI6.1 Có khả năng vận dụng thành thạo kiến thức nền tảng để giải quyết các vấn đề chuyên môn.
		PI6.2 Có khả năng vận dụng thành thạo kiến thức chuyên sâu để giải quyết các vấn đề chuyên môn
PO2: Có phẩm chất cá nhân, nghề nghiệp và khả năng định hướng phát triển nghề nghiệp theo sự thay đổi của môi trường kinh tế, xã hội	PLO5: Thể hiện đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp, có thái độ hành xử chuyên nghiệp và trách nhiệm xã hội, cộng đồng.	PI5.1 Tuân thủ các quy định pháp luật và chuẩn mực đạo đức trong lĩnh vực nghề nghiệp.
		PI5.2 Thể hiện sự chuyên nghiệp trong giao tiếp, ứng xử, và quản lý tình huống trong môi trường nghề nghiệp.
		PI5.3 Đóng góp và thể hiện trách nhiệm xã hội, cộng đồng và có tinh thần khởi nghiệp.
	PLO8: Có khả năng thích ứng với các xu hướng thay đổi trong lĩnh vực chuyên môn, nghề nghiệp.	PI8.1 Xác định các xu hướng hiện tại và mới nổi trong lĩnh vực pháp luật
		PI8.2 Phân tích rủi ro, cơ hội liên quan đến việc thay đổi xu hướng trong lĩnh vực pháp luật.
PO3: Có kỹ năng tư duy, sáng tạo, phân biện, làm việc nhóm, giao tiếp hiệu quả trong các hoạt động nghề nghiệp.	PLO2: Có khả năng vận dụng tư duy phân biện trong giải quyết các vấn đề nghề nghiệp.	PI2.1 Khả năng phân tích thông tin, đánh giá các lựa chọn và đưa ra quyết định thông qua quá trình suy luận và phân biện.
		PI2.2 Khả năng xác định các vấn đề trong tình huống nghề nghiệp để giải quyết các vấn đề.
	PLO3: Có năng lực làm việc theo nhóm, truyền đạt hiệu quả	PI3.1 Triển khai, phối hợp công việc, có trách nhiệm trong nhóm
		PI3.2 Thực hiện truyền đạt hiệu quả trong hoạt động nhóm

PO	PLO	PI
	PLO7: Xác định các giải pháp ứng dụng trong lĩnh vực pháp luật.	PI7.1 Xác định các giải pháp ứng dụng pháp luật trong lĩnh vực pháp luật chung
		PI7.2 Xác định các giải pháp ứng dụng trong lĩnh vực pháp luật kinh doanh
PO4: Có năng lực về ngoại ngữ và công nghệ thông tin đáp ứng với môi trường làm việc chuyên nghiệp và hội nhập	PLO9: Khả năng sử dụng Tiếng Anh từ bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam	PI9.1 Giao tiếp tiếng Anh hiệu quả bằng lời nói, văn bản
		PI9.2 Khả năng sử dụng tiếng Anh để tiếp cận, cập nhật kiến thức pháp luật
	PLO10: Có kiến thức công nghệ thông tin nâng cao để giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực chuyên môn, nghề nghiệp.	PI10.1 Khả năng sử dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực kinh tế, pháp luật
		PI10.2 Ứng dụng công nghệ thông tin để giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực pháp luật
PO5: Có kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực pháp luật kinh tế để áp dụng trong bối cảnh xã hội, hội nhập quốc tế và khả năng đánh giá vấn đề pháp lý trong kinh doanh để làm việc.	PLO4: Thể hiện tính chủ động, tích cực trong học tập nghiên cứu và quản lý các nguồn lực cá nhân, đáp ứng yêu cầu học tập suốt đời.	PI4.1 Có khả năng tổ chức và quản lý các nguồn lực cá nhân để hoàn thành các nhiệm vụ học tập.
		PI4.2 Tham gia, thể hiện tinh thần học tập, nghiên cứu và thích ứng của cá nhân đáp ứng yêu cầu học tập suốt đời.
	PLO8: Có khả năng thích ứng với các xu hướng thay đổi trong lĩnh vực chuyên môn, nghề nghiệp.	PI8.1 Xác định các xu hướng hiện tại và mới nổi trong lĩnh vực pháp luật.
		PI8.2 Phân tích rủi ro, cơ hội liên quan đến việc thay đổi xu hướng trong lĩnh vực pháp luật.
	PLO11: Có kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực pháp luật để áp dụng trong bối cảnh xã hội, hội nhập quốc tế và khả năng đánh giá vấn đề pháp lý trong kinh doanh	PI11.1 Kiến thức pháp luật chuyên sâu về hoạt động kinh doanh trong nước và quốc tế.
		PI11.2 Có khả năng áp dụng kiến thức pháp luật kinh doanh trong môi trường làm việc thực tiễn.
		PI11.3 Có khả năng áp dụng kiến thức ngành Luật kinh tế đánh giá sâu sắc về chính sách pháp luật, thực tiễn kinh doanh.

4. Ma trận đối sánh chuẩn đầu ra CTĐT với khung trình độ quốc gia Việt Nam

Chuẩn đầu ra theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam bậc Đại học		Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLOs) (Đánh dấu X vào ô có liên quan)										
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
Kiến thức												
KT1	Kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết sâu, rộng trong phạm vi của ngành đào tạo.						X					X
KT2	Kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật	X										
KT3	Kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc.										X	
KT4	Kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức và giám sát các quá trình trong một lĩnh vực hoạt động cụ thể.						X	X	X			X
KT5	Kiến thức cơ bản về quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn.						X	X				
Kỹ năng												
KN1	Kỹ năng cần thiết để có thể giải quyết các vấn đề phức tạp.			X					X			X
KN2	Kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác.			X		X						
KN3	Kỹ năng phản biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi.		X									X
KN4	Kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.			X	X							
KN5	Kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; chuyển tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp.			X				X	X			
KN6	Có năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.									X		
Mức độ tự chủ và trách nhiệm												
TCTN1	Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách			X	X							

Chuẩn đầu ra theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam bậc Đại học		Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLOs) (Đánh dấu X vào ô có liên quan)										
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.											
TCTN2	Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định.			X			X	X	X			X
TCTN3	Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.				X		X	X	X			X
TCTN4	Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.				X		X	X	X			X

5. Vị trí việc làm sau tốt nghiệp:

Sinh viên tốt nghiệp chương trình đào tạo Luật kinh tế có năng lực giải quyết các vấn đề pháp lý tại các doanh nghiệp, thực hiện các nghiệp vụ liên quan pháp luật của các cơ quan nhà nước.

Các vị trí công việc có thể đảm nhận:

- (1) Chuyên viên pháp chế, chuyên viên nhân sự;
- (2) Chuyên viên tư vấn doanh nghiệp, tư vấn đầu tư;
- (3) Chuyên viên bộ phận có chức năng thu hồi nợ, giải quyết khiếu nại khách hàng, khiếu nại tố cáo;
- (4) Thư ký, hỗ trợ pháp lý trong công ty luật, văn phòng luật sư, văn phòng công chứng, văn phòng thừa phát lại;

Bên cạnh đó, người tốt nghiệp có thể tham gia vào các công việc liên quan đến lĩnh vực pháp lý như: (1) công chức, viên chức trong các cơ quan đại diện, hành chính, tư pháp của nhà nước; (2) Chuyên viên nghiên cứu tại các viện nghiên cứu chính sách, kinh tế. (3) Giảng viên, nghiên cứu viên trong lĩnh vực pháp luật tại các cơ sở đào tạo, viện nghiên cứu.

6. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp:

Người tốt nghiệp có thể tham dự các khóa học chuyên môn nghề nghiệp với các chức danh tư pháp (luật sư, công chứng viên, thẩm phán, kiểm sát viên)

Người tốt nghiệp có thể tiếp tục học chương trình sau đại học chuyên ngành Luật và các chuyên ngành có liên quan khác (thạc sĩ, tiến sĩ)

7. Khối lượng kiến thức toàn khóa:

Tổng số tín chỉ của Chương trình đào tạo là 121 tín chỉ, cộng với học phần giáo dục thể chất (05 tín chỉ) và giáo dục quốc phòng an ninh (08 tín chỉ). Các học phần trong CTĐT được tổ chức giảng dạy trực tiếp và trực tuyến (online) đảm bảo số tín chỉ giảng dạy trực

tuyển không vượt quá 30% tổng số lượng tín chỉ toàn chương trình đào tạo.

8. Đối tượng tuyển sinh:

Tuyển sinh trên toàn quốc. Đối tượng tuyển sinh phải có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương theo quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo.

Thí sinh đăng ký tuyển sinh/ xét tuyển vào Chương trình Đại học chính quy Luật kinh tế trong đợt tuyển sinh đại học chính quy hằng năm.

9. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp:

Quy trình đào tạo

Quy trình đào tạo được thực hiện theo đúng các quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh.

Điều kiện tốt nghiệp

Điều kiện xét và công nhận tốt nghiệp được thực hiện theo Quy chế đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh.

10. Chương trình đào tạo tham khảo - đối sánh:

Chương trình đại học ngành Luật kinh tế của Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh có tham khảo chương trình của một số trường đại học uy tín ở Việt Nam và nước ngoài.

10.1. Các trường đại học ở nước ngoài

- Chương trình đào tạo của Trường Luật, Đại học Paris – Sorbonne, Pháp (dựa trên chương trình Khung chuẩn của Bộ Giáo Dục Pháp, Quy định năm 2014).
- Chương trình đào tạo Luật chuẩn của Úc (Australian Law School Standards) do Hội đồng Khung chuẩn về bằng cấp Úc ban hành.
- Chương trình đào tạo Luật (khối pháp luật tư) của Đại học Chiang Mai, Thái Lan.

10.2. Các trường đại học ở Việt Nam

- Chương trình đào tạo Luật kinh tế 2021, Trường Đại học Luật Hà Nội
- Chương trình đào tạo Luật kinh tế 2021, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân
- Chương trình đào tạo ngành Luật 2020, Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh
- Chương trình đào tạo Luật kinh tế 2023, Trường Đại học Kinh tế - Luật – Đại học quốc gia TP. Hồ Chí Minh

11. Phương pháp giảng dạy và đánh giá kết quả học tập

11.1. Phương pháp giảng dạy

Nhằm giúp sinh viên đạt được các mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT ngành Luật kinh tế, các chiến lược và phương pháp giảng dạy được áp dụng cụ thể như sau:

- Phương pháp Thuyết giảng (Lecture)
- Phương pháp Bài giảng tương tác (Interactive lecture)
- Phương pháp Thảo luận có định hướng (Directed discussion)

- Phương pháp giảng dạy thông qua Làm việc/học tập theo nhóm (Group work/learning)
- Giảng dạy bằng tình huống điển hình (Case method)
- Giảng dạy bằng cách học khám phá (Inquiry-based or inquiry-guided learning)
- Giảng dạy bằng học tập dựa vào cách giải quyết vấn đề (Problem-based learning)
- Giảng dạy thông qua đóng vai (Role plays)
- Giảng dạy thông qua học tập phục vụ cộng đồng kèm quá trình phản ánh (Service-learning with reflection)

Các phương pháp giảng dạy nói trên hướng đến việc giúp sinh viên đạt được chuẩn đầu ra CTĐT. Cụ thể như sau:

Phương pháp giảng dạy		Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLOs) (Đánh dấu X vào ô có liên quan)										
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Thuyết giảng	X					X		X			X
2	Bài giảng tương tác		X			X				X	X	
3	Thảo luận có định hướng	X						X	X			
4	Làm việc/học tập theo nhóm			X	X					X		
5	Thông qua tình huống điển hình	X	X			X						X
6	Học khám phá			X	X			X	X			
7	Học tập dựa vào cách giải quyết vấn đề				X		X				X	X
8	Thông qua đóng vai			X	X		X	X				
9	Thông qua phục vụ cộng đồng					X		X				X

11.2. Đánh giá kết quả học tập: Điểm đánh giá kết quả học tập từng học phần của sinh viên được tính theo thang điểm hệ 10, được quy đổi sang điểm chữ và thang điểm hệ 4. Việc quy đổi điểm giữa các thang điểm được thực hiện theo Quy chế tổ chức và quản lý đào tạo trình độ đại học hiện hành tại Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh.

12. Kết cấu và nội dung chương trình:

12.1. Kết cấu chương trình đào tạo:

TT	Khối kiến thức	Số học phần		Số tín chỉ		Tỷ lệ
		Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	
1	Giáo dục đại cương	8	3	19	6	20.7%
2	Giáo dục chuyên nghiệp	30	3	90	6	79.3%

TT	Khối kiến thức	Số học phần		Số tín chỉ		Tỷ lệ
		Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	
2.1	Cơ sở ngành	14	0	38	0	31.4%
2.2	Ngành	6	0	18	0	14.9%
2.3	Chuyên ngành	10	3	34	6	33.0%
	Tổng cộng	38	6	109	12	100%

TT	Khối kiến thức khác	Số tín chỉ
1	Giáo dục thể chất	5
2	Giáo dục Quốc phòng an ninh	8
	Tổng cộng	13

12.2. Khung chương trình đào tạo:

TT	Mã học phần	Tên học phần (Tiếng Việt/Tiếng Anh)	Số tín chỉ	Phân bổ thời lượng tín chỉ			Mã học phần trước	Học kỳ phân bổ
				Lý thuyết	Thực hành	Khác		
	KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG							
		Học phần bắt buộc						
1	MLM306	Triết học Mác-Lênin / Marxist-Leninist phylosophy	3	3	0	0	không	1
2	MLM307	Kinh tế chính trị Mác - Lê nin/ Marxist-Leninist political economics	2	2	0	0	không	2
3	MLM308	Chủ nghĩa xã hội khoa học/ Scientific Socialism	2	2	0	0	không	3
4	MLM309	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam/ History Of Vietnamese Communist Party	2	2	0	0	MLM306	4
5	MLM303	Tư tưởng Hồ Chí Minh/ Ho Chi Minh's Ideology	2	2	0	0	MLM306	3
	Học phần tự chọn nhóm 1 - Kiến thức đại cương (chọn 1 trong 2 môn)							
6	MLM305	Logic học/ logics	2	2	0	0	không	1
7	SOC301	Cơ sở Văn hóa Việt Nam/ The basis of Vietnamese culture	2	2	0	0	không	1
	Học phần bắt buộc khối kiến thức pháp luật							
8	LAW332	Nhập môn ngành luật/ Introduction of Law	2	2	0	0	không	1
9	LAW701	Phương pháp NCKH pháp lý/Legal Research Methodolody	3	3	0	0	Law350	2
10	LAW350	Lý luận về nhà nước và pháp luật/ Theory of State and Law	3	3	0	0	Không	1
	Học phần tự chọn nhóm 2 – Kiến thức đại cương pháp luật (chọn 2 trong 4 môn)							
11	LAW303	Lịch sử nhà nước và pháp luật Việt Nam/ History of Vietnam state and law	2	2	0	0	Không	3
12	LAW703	Xã hội học pháp luật/ Legal Sociology	2	2	0	0	Không	3

TT	Mã học phần	Tên học phần (Tiếng Việt/Tiếng Anh)	Số tín chỉ	Phân bổ thời lượng tín chỉ			Mã học phần trước	Học kỳ phân bổ
				Lý thuyết	Thực hành	Khác		
13	LAW709	Luật và chính sách công/ Law and Public Policy	2	2	0	0	Law308	3
14	LAW727	Pháp luật về quyền con người/ Law on Human Rights	2	2	0	0	Không	3
KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP								
Học phần khối kiến thức cơ sở ngành								
Học phần bắt buộc								
15	MES302	Kinh tế học vi mô/ Microeconomics	3	3	0	0	không	1
16	MES303	Kinh tế học vĩ mô/ Macroeconomics	3	3	0	0	không	2
17	LAW302	Luật Hiến pháp/ Constitutional Law	3	3	0	0	không	1
18	LAW308	Luật Hành chính/ Administrative Law	3	3	0	0	LAW350	2
19	LAW309	Luật Hình sự/ Criminal Law	3	3	0	0	LAW350	2
20	LAW306	Luật dân sự 1/ Civil Law 1	3	3	0	0	LAW350	2
21	LAW307	Luật dân sự 2/ Civil Law 2	3	3	0	0	LAW306	3
22	LAW321	Luật tố tụng dân sự/ Civil Procedure Law	3	3	0	0	LAW307	6
23	LAW339	Luật tố tụng hình sự/ Criminal Procedure Law	3	3	0	0	LAW309	3
24	LAW333	Công pháp quốc tế/ International public law	2	2	0	0	LAW302	3
25	LAW704	Soạn thảo văn bản/ Documentary draft	2	2	0	0	LAW308	3
26	ENP712	Tiếng Anh pháp lý 1/ English for Legal professionals 1	2	2	0	0	Đạt TA đầu vào, A2	4
27	ENP311	Tiếng Anh pháp lý 2/ English for Legal professionals 2	3	3	0	0	ENP712	5
28	LAW337	Luật hôn nhân và gia đình/ Family and marital law	2	2	0	0	LAW306	3
Học phần khối kiến thức ngành								
Học phần bắt buộc								
29	LAW348	Tư pháp quốc tế/ International private law	3	3	0	0	LAW333	5
30	LAW338	Luật Lao động/ Labour law	3	3	0	0	LAW307	4
31	LAW712	Luật môi trường/ Environment Law	3	3	0	0	Law307	4
32	LAW318	Luật Sở hữu trí tuệ/ Intellectual Property Law	3	3	0	0	LAW306	5
33	LAW710	Luật cạnh tranh/ Competition Law	3	3	0	0	LAW311	5
34	LAW336	Luật đất đai/ Land Law	3	3	0	0	LAW312	6
Học phần khối kiến thức chuyên ngành								
Học phần bắt buộc								
35	LAW311	Luật thương mại 1/ Commerce Law 1	3	3	0	0	LAW306	4
36	LAW312	Luật thương mại 2/ Commerce Law 2	3	3	0	0	LAW311	5
37	LAW317	Luật Ngân hàng/ Banking Law	3	3	0	0	LAW312	6
38	LAW319	Luật chứng khoán/ Securities Law	3	3	0	0	LAW312	6

TT	Mã học phần	Tên học phần (Tiếng Việt/Tiếng Anh)	Số tín chỉ	Phân bổ thời lượng tín chỉ			Mã học phần trước	Học kỳ phân bổ
				Lý thuyết	Thực hành	Khác		
39	LAW711	Luật Tài chính/ Finance Law	3	3	0	0	LAW312	6
40	LAW721	Luật thương mại quốc tế/ International trade law	3	3	0	0	LAW312	7
41	LAW720	Luật thương mại điện tử/ E-Commerce Law	2	2	0	0	Law311	7
42	LAW335	Kỹ năng thực hành nghề luật/ Skills in legal practice	2	2	0	0	LAW321	7
43	INT308	Thực tập tốt nghiệp/ Bachelor internship	3	0	0	3	Quy chế ĐT	7
44	REP308	Khoá luận tốt nghiệp/ Dissertations on Economic Law	9	0	0	9	Quy chế ĐT	8
Học phần tự chọn nhóm 3 – kiến thức chuyên ngành (chọn 3/6)								
45	LAW725	Luật kinh doanh bảo hiểm/ Insurance business Law	2	2	0	0	LAW311	5/6/7
46	LAW714	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong doanh nghiệp/ Legal consulting skills in enterprises	2	2	0	0	LAW311	5/6/7
47	LAW716	Kỹ năng đàm phán, soạn thảo hợp đồng/ Contract Drafting And Negotiation Skills	2	2	0	0	LAW307	5/6/7
48	LAW715	Kỹ năng giải quyết tranh chấp kinh doanh	2	2	0	0	LAW311	5/6/7
49	LAW726	Tội phạm kinh tế và PL về phòng chống tham nhũng	2	2	0	0	LAW309	5/6/7
50	LAW719	Luật an sinh xã hội/ Social security law	2	2	0	0	LAW338	5/6/7
Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp								
51	LAW713	Pháp luật về bảo đảm tín dụng/ Law of credit guarantee	3	3	0	0	LAW317	8
52	LAW342	Pháp luật kinh doanh bất động sản / Law on Real property trade	3	3	0	0	LAW336	8
53	LAW722	Luật đầu tư/ Investment law	3	3	0	0	LAW311	8
Tổng số tín của chương trình đào tạo			121					
Tổng số tín chỉ bắt buộc			109					
Tổng số tín chỉ tự chọn tối thiểu			12					
Khối kiến thức khác								
1	Giáo dục thể chất		5					
2	Giáo dục Quốc phòng an ninh		8					
	Tổng cộng		13					

13. Kế hoạch đào tạo phân theo học kỳ:

Học kỳ	TT	Mã học phần	Tên học phần (Tiếng Việt/Tiếng Anh)	Số tín chỉ	Mã học phần trước	Bắt buộc (BB)/Tự chọn (TC)	Ngôn ngữ giảng dạy
1	1	MLM306	Triết học Mác-Lênin / Marxist-Leninist philosophy	3	không	BB	Tiếng Việt

Học kỳ	TT	Mã học phần	Tên học phần (Tiếng Việt/Tiếng Anh)	Số tín chỉ	Mã học phần trước	Bắt buộc (BB)/Tự chọn (TC)	Ngôn ngữ giảng dạy
	2	LAW332	Nhập môn ngành luật/ Introduction of Law	2	không	BB	Tiếng Việt
	3	LAW350	Lý luận về nhà nước và pháp luật/ Theory of State and Law	3	không	BB	Tiếng Việt
	4	LAW302	Luật Hiến pháp/ Constitutional Law	3	Không	BB	Tiếng Việt
	5	MES302	Kinh tế học vi mô/ Microeconomics	3	không	BB	Tiếng Việt
	Học phần tự chọn 1/ optional subject 1: chọn 1 môn						
	6	MLM305	Logic học/ logics	2	không	TC	Tiếng Việt
		SOC301	Cơ sở Văn hóa Việt Nam/ The basis of Vietnamese culture	2	không	TC	Tiếng Việt
	Kiến thức Giáo dục thể chất, QPAN						
	7	GYM301	Học phần GDTC 1	1	không	BB	Tiếng Việt
	8		GD Quốc phòng An ninh	8	Không	BB	Tiếng Việt
		Tổng tín chỉ trong học kỳ 1		25	16 TC kiến thức + 9 TC khác		
2	1	MLM307	Kinh tế chính trị Mác - Lê nin/ Marxist-Leninist political economics	2	không	BB	Tiếng Việt
	2	LAW308	Luật Hành chính/ Administrative Law	3	Law350	BB	Tiếng Việt
	3	LAW309	Luật Hình sự/ Criminal Law	3	Law350	BB	Tiếng Việt
	4	LAW306	Luật dân sự 1/ Civil Law 1	3	Law350	BB	Tiếng Việt
	5	LAW701	Phương pháp NCKH pháp lý/ Legal scientific research methods	3	không	BB	Tiếng Việt
	6	MES303	Kinh tế học vĩ mô/ Macroeconomics	3	Không	BB	Tiếng Việt
	7	GYM302	Học phần GDTC 2	1	không	BB	Tiếng Việt
		Tổng tín chỉ trong học kỳ 2		18	17 TC kiến thức + 1 TC khác		
3	1	MLM308	Chủ nghĩa xã hội khoa học/ Scientific Socialism	2	không	BB	Tiếng Việt
	2	MLM303	Tư tưởng Hồ Chí Minh/ Ho Chi Minh's Ideology	2	MLM306	BB	Tiếng Việt
	3	LAW307	Luật dân sự 2/ Civil Law 2	3	Law306	BB	Tiếng Việt
	4	LAW339	Luật tố tụng hình sự/ Criminal Procedure Law	3	Law309	BB	Tiếng Việt
	5	LAW704	Soạn thảo văn bản/ Documentary draft	2	Law308	BB	Tiếng Việt
	6	LAW337	Luật hôn nhân và gia đình/ Family and marital law	2	Law306	BB	Tiếng Việt
	Học phần tự chọn 2/ optional subject 2: chọn 1 môn						
	7	LAW303	Lịch sử nhà nước và pháp luật Việt Nam/ History of Vietnam state and law	2	không	TC	Tiếng Việt

Học kỳ	TT	Mã học phần	Tên học phần (Tiếng Việt/Tiếng Anh)	Số tín chỉ	Mã học phần trước	Bắt buộc (BB)/Tự chọn (TC)	Ngôn ngữ giảng dạy
		LAW703	Xã hội học pháp luật/ Legal Sociology	2	không	TC	Tiếng Việt
		LAW709	Luật và chính sách công/ Law and Public Policy	2	Law308	TC	Tiếng Việt
		LAW727	Pháp luật về quyền con người/ Law on Human Rights	2	không	TC	Tiếng Việt
	Kiến thức Giáo dục thể chất						
	8	GYM303	Học phần GDTC 3	1	không	BB	Tiếng Việt
Tổng tín chỉ trong học kỳ 3				17	16 TC kiến thức + 1 TC khác		
4	1	MLM309	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam/ History Of Vietnamese Communist Party	2	MLM306	BB	Tiếng Việt
	2	LAW311	Luật thương mại 1/ commercial law 1	3	Law306	BB	Tiếng Việt
	3	LAW333	Công pháp quốc tế/ Internationnal public law	2	Law302	BB	Tiếng Việt
	4	LAW338	Luật Lao động/ Labour law	3	Law307	BB	Tiếng Việt
	5	LAW712	Luật môi trường/ Environment law	3	Law307	BB	Tiếng Việt
	6	ENP712	Tiếng Anh pháp lý 1/ English for Legal professionals 1	2	Đạt TA đầu vào, A2	BB	Tiếng Anh
	Học phần tự chọn 2/ optional subject 2: chọn 1 môn						
	7	LAW303	Lịch sử nhà nước và pháp luật Việt Nam/ History of Vietnam state and law	2	không	TC	Tiếng Việt
		LAW703	Xã hội học pháp luật/ Legal Sociology	2	không	TC	Tiếng Việt
		LAW709	Luật và chính sách công/ Law and Public Policy	2	Law308	TC	Tiếng Việt
		LAW727	Pháp luật về quyền con người/ Law on Human Rights	2	không	TC	Tiếng Việt
	Kiến thức Giáo dục thể chất						
	8	GYM304	Học phần GDTC 4	1	không	BB	Tiếng Việt
Tổng tín chỉ trong học kỳ 4				18	17 TC kiến thức + 1 TC khác		
5	1	LAW312	Luật thương mại 2/ commercial law 1	3	Law311	BB	Tiếng Việt
	2	LAW348	Tư pháp quốc tế/ International private law	3	Law333	BB	Tiếng Việt
	3	LAW318	Luật Sở hữu trí tuệ/ Intellectual Property Law	3	Law306	BB	Tiếng Việt
	4	LAW710	Luật cạnh tranh/ Competition Law	3	Law311	BB	Tiếng Việt
	5	ENP311	Tiếng Anh pháp lý 2/ English for Legal professionals 2	3	ENP712	BB	Tiếng Anh
	Học phần tự chọn 3/ optional subject 3: chọn 1 môn						

Học kỳ	TT	Mã học phần	Tên học phần (Tiếng Việt/Tiếng Anh)	Số tín chỉ	Mã học phần trước	Bắt buộc (BB)/Tự chọn (TC)	Ngôn ngữ giảng dạy
	6	LAW725	Luật kinh doanh bảo hiểm/ Insurance business Law	2	LAW311	TC	Tiếng Việt
		LAW714	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong doanh nghiệp/ Legal consulting skills in enterprises	2	LAW311	TC	Tiếng Việt
		LAW716	Kỹ năng đàm phán, soạn thảo hợp đồng/ Contract Drafting And Negotiation Skills	2	LAW307	TC	Tiếng Việt
		LAW715	Kỹ năng giải quyết tranh chấp kinh doanh	2	LAW311	TC	Tiếng Việt
		LAW726	Tội phạm kinh tế và PL về phòng chống tham nhũng	2	LAW309	TC	Tiếng Việt
		LAW719	Luật an sinh xã hội/ Social security law	2	LAW338	TC	Tiếng Việt
	Kiến thức Giáo dục thể chất						
	7	GYM305	Học phần GDTC 5	1	không	BB	Tiếng Việt
Tổng tín chỉ trong học kỳ 5				18	17 TC kiến thức + 1 TC khác		
6	1	LAW336	Luật đất đai/ Land Law	3	Law312	BB	Tiếng Việt
	2	LAW317	Luật Ngân hàng/ Banking Law	3	Law312	BB	Tiếng Việt
	3	LAW319	Luật chứng khoán/ Securities Law	3	Law312	BB	Tiếng Việt
	4	LAW711	Luật Tài chính/ Finance Law	3	Law312	BB	Tiếng Việt
	5	LAW321	Luật tố tụng dân sự/ Civil Procedure Law	3	Law307	BB	Tiếng Việt
	Học phần tự chọn 3/ optional subject 3: chọn 1 môn						
	6	LAW725	Luật kinh doanh bảo hiểm/ Insurance business Law	2	LAW311	TC	Tiếng Việt
		LAW714	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong doanh nghiệp/ Legal consulting skills in enterprises	2	LAW311	TC	Tiếng Việt
		LAW716	Kỹ năng đàm phán, soạn thảo hợp đồng/ Contract Drafting And Negotiation Skills	2	LAW307	TC	Tiếng Việt
		LAW715	Kỹ năng giải quyết tranh chấp kinh doanh	2	LAW311	TC	Tiếng Việt
		LAW726	Tội phạm kinh tế và PL về phòng chống tham nhũng	2	LAW309	TC	Tiếng Việt
		LAW719	Luật an sinh xã hội/ Social security law	2	LAW338	TC	Tiếng Việt
	Tổng tín chỉ trong học kỳ 6			17			
7	1	LAW720	Luật thương mại điện tử/ E-Commerce Law	2	Law311	BB	Tiếng Việt
	2	LAW721	Luật thương mại quốc tế/ International trade law	3	Law312	BB	Tiếng Việt
	3	LAW335	Kỹ năng thực hành nghề luật/ Skills in legal practice	2	Law321	BB	Tiếng Việt
	4	INT308	Thực tập tốt nghiệp/ Bachelor internship	3		BB	Tiếng Việt

Học kỳ	TT	Mã học phần	Tên học phần (Tiếng Việt/Tiếng Anh)	Số tín chỉ	Mã học phần trước	Bắt buộc (BB)/Tự chọn (TC)	Ngôn ngữ giảng dạy
	Học phần tự chọn 3/ optional subject 3: chọn 1 môn						
	5	LAW725	Luật kinh doanh bảo hiểm/ Insurance business Law	2	LAW311	TC	Tiếng Việt
		LAW714	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong doanh nghiệp/ Legal consulting skills in enterprises	2	LAW311	TC	Tiếng Việt
		LAW716	Kỹ năng đàm phán, soạn thảo hợp đồng/ Contract Drafting And Negotiation Skills	2	LAW307	TC	Tiếng Việt
		LAW715	Kỹ năng giải quyết tranh chấp kinh doanh	2	LAW311	TC	Tiếng Việt
		LAW726	Tội phạm kinh tế và PL về phòng chống tham nhũng	2	LAW309	TC	Tiếng Việt
		LAW719	Luật an sinh xã hội/ Social security law	2	LAW338	TC	Tiếng Việt
		Tổng tín chỉ trong học kỳ 7		12	Bao gồm 12 tuần thực tập		
8	1	REP308	Khoá luận tốt nghiệp/ Dissertations on Economic Law	9			Tiếng Việt
	3 môn thay thế khóa luận tốt nghiệp						
	2	LAW713	Pháp luật về bảo đảm tín dụng/ Law of credit guarantee	3	LAW317		Tiếng Việt
	3	LAW342	Pháp luật kinh doanh bất động sản / Law on Real property trade	3	LAW336		Tiếng Việt
	4	LAW722	Luật đầu tư/ Investment law	3	LAW311		Tiếng Việt
		Tổng tín chỉ trong học kỳ 8		9			

CÂY CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO LUẬT KINH TẾ



15 Ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

15.1 ma trận học phần và PLO

TT	Học kỳ	Tên học phần	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)										
			PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11
1	1	Triết học Mác-Lênin	2			2	2						
2	1	Nhập môn ngành luật	2		2	3							
3	1	Lý luận về nhà nước và PL	2	3	3								
4	1	Luật Hiến pháp	2		2			2					
5	1	Kinh tế học vi mô	3	3		2							
6	1	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2			2	2						
7	1	Logic học	2			2	2						
8	2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2			2	2						
9	2	Luật Hành chính	3				2			3			4
10	2	Luật Hình sự						3		3			
11	2	Luật dân sự 1	2				3	3					
12	2	Phương pháp NCKH pháp lý	3			3		4					
13	2	Kinh tế học vĩ mô	3	3		2							
14	3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2			2	2						
15	3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2			2	2						
16	3	Luật dân sự 2					2	3	3				3
17	3	Luật tổ tụng hình sự					3			3			4
18	4	Công pháp quốc tế	2					3	4				
19	3/4	Lịch sử NN và PL Việt Nam	2			2		2					
20	3/4	Xã hội học pháp luật	2			2		2					
21	3/4	Luật và chính sách công	2			2		2					
22	3/4	PL về quyền con người	2			2		2					
23	4	Lịch sử Đảng Cộng Sản VN	2			2	2						
24	6	Luật tổ tụng dân sự							3	3			4
25	4	Tiếng Anh pháp lý I		3	3						3		
26	3	Soạn thảo văn bản				2		3				2	
27	4	Luật Lao động		3		3				4			
28	4	Luật thương mại I		2			3	3					

TT	Học kỳ	Tên học phần	Chuẩn đầu ra CTBT (PLOs)										
			PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11
29	5/6/7	Luật kinh doanh bảo hiểm	3	3				4					
30	5/6/7	Kỹ năng TVPL trong DN	3	3				4					
31	5/6/7	Kỹ năng DP, soạn thảo HĐ	3	3				4					
32	5/6/7	Kỹ năng GQ tranh chấp KD	3	3				4					
33	5/6/7	Tội phạm KT và PLPCTN	3	3				4					
34	5/6/7	Luật an sinh xã hội	3	3				4					
35	4	Luật môi trường					3		3				3
36	5	Luật thương mại 2		3				3	3				
37	5	Luật Sở hữu trí tuệ						3		3			4
38	3	Luật Hôn nhân và gia đình						2	3				4
39	5	Tư pháp quốc tế						3	3				3
40	5	Tiếng Anh pháp lý 2		4	4						4		
41	6	Luật đất đai			3				3	4			
42	6	Luật Ngân hàng						3		3			4
43	6	Luật chứng khoán				3		4					
44	6	Luật Tài chính					3	3					4
45	7	Luật TM Quốc tế					3	4					
46	6	Luật cạnh tranh					3	4					
47	7	Luật thương mại điện tử						4		3		3	
48	8	PL về bảo đảm tín dụng								3	4		4
49	7	Kỹ năng thực hành nghề luật		3	3						4		
50	7	Thực tập tốt nghiệp				4		4					4
51	8	Khoá luận tốt nghiệp							3	4			4
52	8	PL kinh doanh BDS							3	4			4
53	8	PL Đầu tư							3	4			4
Các hoạt động ngoài khóa (nếu có bắt buộc tham gia nhằm giúp người học đạt CDR)													
1	HĐNK I	hoạt động ngoài khóa 1				2							2
2	HĐNK 2	hoạt động ngoài khóa 2				2							2
Các hoạt động phục vụ cộng đồng (nếu có bắt buộc tham gia nhằm giúp người học đạt CDR)													

TT	Học kỳ	Tên học phần	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)										
			PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11
1	PVCD 1	hoạt động cộng đồng 1				2							2
2	PVCD 2	hoạt động cộng đồng 2				2							2
Tổng số lượng học phần theo các mức độ đóng góp													
		Mức 1	0										
		Mức 2	7										
		Mức 3	15										
		Mức 4	22										
		Học phần đóng góp											
		Học phần đánh giá PI											
		Học phần đánh giá PLO											

15.2 ma trận học phần và Pi

TT			học kỳ	tên học phần	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)																						
					PLO1		PLO2		PLO3		PLO4		PLO5			PLO6		PLO7		PLO8		PLO9		PLO10		PLO11	
					PI	1.1	1.2	2.1	2.2	3.1	3.2	4.1	4.2	5.1	5.2	5.3	6.1	6.2	7.1	7.2	8.1	8.2	9	10.1	10.2	11.1	11.2
1	1	Triết học Mác-Lênin			2																						
2	1	Nhập môn ngành luật			2	2			2																		
3	1	Lý luận về nhà nước và PL			2	3			3																		
4	1	Luật Hiến pháp			2				2						2												
5	1	Kinh tế học vi mô			3	3				2																	
6	1	Cơ sở văn hóa Việt Nam			2					2	2	2	2														
7	1	Logic học			2					2	2	2	2														
8	2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin			2					2	2	2	2														
9	2	Luật Hành chính			3								2					3	2								
10	2	Luật Hình sự													3			3						4			
11	2	Luật dân sự 1			2								3					3									
12	2	Phương pháp NCKH pháp lý					3				3																
13	2	Kinh tế học vĩ mô				3			3			2															
14	3	Chủ nghĩa xã hội khoa học			2						2	2	2	2													
15	3	Tư tưởng Hồ Chí Minh			2						2	2	2	2													
16	3	Luật dân sự 2													3	3	3						3				
17	3	Luật tố tụng hình sự																3									
18	4	Công pháp quốc tế					2								3								4				
19	3,4	Lịch sử NN và PL Việt Nam			2					2				2													

		Chuẩn đầu ra CTBT (PLOs)																							
TT	học kỳ	tên học phần	PLO1		PLO2		PLO3		PLO4			PLO5			PLO6		PLO7		PLO8		PLO9	PLO10		PLO11	
			PI	1.1	1.2	2.1	2.2	3.1	3.2	4.1	4.2	5.1	5.2	5.3	6.1	6.2	7.1	7.2	8.1	8.2	9	10.1	10.2	11.1	11.2
20	3,4	Xã hội học pháp luật		2						2					2										
21	3,4	Luật và chính sách công		2						2					2										
22	3,4	PL về quyền con người		2						2					2										
23	4	Lịch sử Đảng Cộng Sản VN		2						2	2	2	2												
24	6	Luật tổ tụng dân sự															3		3					4	
25	4	Tiếng Anh pháp lý 1				3		3												3					
26	3	Soạn thảo văn bản								2											2				
27	4	Luật Lao động				3				3									4						
28	4	Luật thương mại 1					2							3											
29	5/6/7	Luật kinh doanh bảo hiểm			3		3		3						4										
30	5/6/7	Kỹ năng TVPL trong DN			3		3		3						4										
31	5/6/7	Kỹ năng DP, soạn thảo HD			3		3		3						4										
32	5/6/7	Kỹ năng GQ tranh chấp KD			3		3		3						4										
33	5/6/7	Tội phạm KT và PLPCTN			3		3		3						4										
34	5/6/7	Luật an sinh xã hội			3		3		3						4										
35	4	Luật môi trường								3								3						3	
36	5	Luật thương mại 2					3										3								
37	5	Luật Sở hữu trí tuệ													3							3			
38	3	Luật Hôn nhân và Gia đình														2	3							4	
39	5	Tư pháp quốc tế													2			3						4	
40	5	Tiếng Anh pháp lý 2				4		4												4					
41	6	Luật đất đai																3		4					
42	6	Luật Ngân hàng																3							4
43	6	Luật chứng khoán											3				4								
44	6	Luật Tài chính														3								4	
45	7	Luật Thương mại Quốc tế													3										
46	6	Luật cạnh tranh									3						4								
47	7	Luật thương mại điện tử															4								
48	7	PL về bảo đảm tín dụng																	3						
49	7	Kỹ năng thực hành nghề luật				3			3										4						4
50	7	Thực tập tốt nghiệp										3					3						4		
51	8	Khoá luận tốt nghiệp																	4						4
52	8	PL kinh doanh BDS																	4						4
53	8	PL Đầu tư																	4						4

15.3 ma trận CLO và Pi

T		Học kỳ	Tên học phần (HPI)	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)																						
				CLOi j	P	PLO1		PLO2		PLO3		PLO4		PLO5		PLO6		PLO7		PLO8		PLO 9	PLO10		PLO11	
1	1		Triết học Mác - Lênin		1 1	2																				
					2																					
					2																					
2		2	Tổng hợp học phần KTCT Mác - Lênin		2																					
					2																					
3		3	Tổng hợp học phần CNXH Khoa học																							
		...																								
4		4	Tổng hợp học phần Lịch sử ĐCSVN			2																				
					2																					
					2																					
5		3	Tổng hợp học phần Tư tưởng HCM																							
					2																					
					2																					
6		1	Tổng hợp học phần Logic học			2																				
					2																					
					2																					
7		1	Tổng hợp học phần Cơ sở văn hóa VN			2																				
					2																					
					2																					

Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)																
T	Học kỳ	Tên học phần (HP)														
			CLOi	PLO1			PLO2		PLO3		PLO4		PLO5		PLO6	
				P	1.	1.	2.	2.	3.	3.	4.	4.	5.	5.	6.	7.
		Tổng hợp học phần Nhập môn ngành Luật	j	1	1.	1.	2.	2.	1	2	1	2	2	2	3	1
8	1			2							2					
			CLO1	2												
			CLO2					2			2					
			CLO3						2							
	2	Tổng hợp học phần PP NCKH PL			2	3					2					
			CLO1								3					
			CLO2									3				
			CLO3												4	
9		Tổng hợp học phần LL NN và PL		3							3				4	
	1		CLO1	2												
			CLO2			3										
			CLO3				3		3							
10		Tổng hợp học phần LS NNPL VN		2			3									
	3		CLO1	2												
			CLO2							2						
			CLO3													
11		Tổng hợp học phần Xã hội học PL		2							2				2	
	3		CLO1	2												
			CLO2							2						
			CLO3											2		
12		Tổng hợp học phần Luật và chính sách công		2							2				2	
	3		CLO1	2												
			CLO2							2						
			CLO3											2		
13		Tổng hợp học phần PL về quyền con người		2							2				2	
	3		CLO1	2												
			CLO2								2					
			CLO3											2		
14		Tổng hợp học phần Kinh tế học vi mô		2							2				2	
	1		CLO1		3											
			CLO2			3										
			CLO3								2					
15		Tổng hợp học phần Kinh tế học vĩ mô		3							2					
	2		CLO1		3											
			CLO2				3									
			CLO3								2					
16		Tổng hợp học phần Kinh tế học vĩ mô		3							2					
	2		CLO1													
			CLO2													
			CLO3								2					

[illegible]

T T		Học kỳ	Tên học phần (HP)	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)																							
				CLOi j	PLO															PLO 9	PLO10		PLO11				
					P 1	PLO1		PLO2		PLO3		PLO4		PLO5		PLO6		PLO7			8.	8.	10. 1	10. 2	11. 1	11. 2	11. 3
						1.	1.	2.	2.	3.	3.	4.	4.	5.	5.	5.	6.	6.	7.								
26	4	Tiếng Anh pháp lý 1	CLO1			3																					
			CLO2					3																			
			CLO3																								
		Tổng hợp học phần Tiếng Anh pháp lý 2	CLO1			4																					
27			CLO2					4																			
			CLO3							4																	
		Tổng hợp học phần Luật hôn nhân và GD	CLO1																								
28	3		CLO2																								
			CLO3																								
		Tổng hợp học phần Tư pháp quốc tế	CLO1														2		3								
29	5		CLO2																	3							
			CLO3																						4		
		Tổng hợp học phần Luật lao động	CLO1				3																				
30	4		CLO2																								
			CLO3																								
		Tổng hợp học phần Luật môi trường	CLO1				3																				
31	4		CLO2																								
			CLO3																								
		Tổng hợp học phần Luật SHTT	CLO1																								
32	5		CLO2																								
			CLO3																								
		Tổng hợp học phần Luật cạnh tranh	CLO1																								
33	5		CLO2																								
			CLO3																								
		Tổng hợp học phần Luật đất đai	CLO1																								
34	6		CLO2																								
			CLO3																								

		Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)																								
T	T	Hoc kỳ	Tên học phần (HP)	CLOi	PLO1		PLO2		PLO3		PLO4		PLO5		PLO6		PLO7		PLO8		PLO9		PLO10		PLO11	
					P	1.1	1.2	2.1	2.2	3.1	3.2	3.3	4.1	4.2	5.1	5.2	5.3	6.1	6.2	7.1	7.2	8.1	8.2	9	10.1	10.2
35		4	Tổng hợp học phần Luật thương mại 1	CLO1			2			3								3		4						
				CLO2									3													
				CLO3																						
36		5	Tổng hợp học phần Luật thương mại 2	CLO1			2						3													
				CLO2			3								3											
				CLO3													3									
37		6	Tổng hợp học phần Luật ngân hàng	CLO1			3								3			3								
				CLO2												3										
				CLO3																						4
38		6	Tổng hợp học phần Luật chứng khoán	CLO1							3															
				CLO2												4										
				CLO3																						
39		6	Tổng hợp học phần Luật tài chính	CLO1							3															
				CLO2																						
				CLO3																						
40		7	Tổng hợp học phần Luật thương mại QT	CLO1									3													
				CLO2												4										
				CLO3										3												
41		7	Tổng hợp học phần Luật thương mại ĐT	CLO1																3						
				CLO2																		3				
				CLO3												4										
42		7	Tổng hợp học phần KN thực hành nghề Luật	CLO1			3																3			
				CLO2																						
				CLO3																						
43		7	Tổng hợp học phần Thực tập	CLO1							3									4						
				CLO2								3				3										
				CLO3																				4		
44		8	Tổng hợp học phần Khóa luận TN	CLO1												3										4

Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)																										
T T	Học kỳ	Tên học phần (HP)			PLOs																PLOs					
					PLO1		PLO2		PLO3		PLO4		PLO5		PLO6		PLO7		PLO8		PLO9	PLO10		PLO11		
					P 1	1. 1 2	2. 1 2	3. 1 2	4. 1 2	5. 1 2	5. 2 3	6. 1 2	7. 1 2	8. 1 2	8. 2	10. 1 2	10. 2	11. 1 2	11. 2 3							
		Tổng hợp học phần Luật KD Bảo hiểm	CLO1																							
			CLO2																							
			CLO3																							
	5/6/7																									
		Tổng hợp học phần KN TVPL trong DN	CLO1																							
			CLO2																							
			CLO3																							
	5/6/7																									
		Tổng hợp học phần Kỹ năng DP, soạn thảo HD	CLO1																							
			CLO2																							
			CLO3																							
	5/6/7																									
		Tổng hợp học phần Kỹ năng GQTC trong KD	CLO1																							
			CLO2																							
			CLO3																							
	5/6/7																									
		Tổng hợp học phần TPKT và PLPCTN	CLO1																							
			CLO2																							
			CLO3																							
	5/6/7																									
		Tổng hợp học phần Luật An sinh XH	CLO1																							
			CLO2																							
			CLO3																							
	5/6/7																									
		Tổng hợp học phần PL về bảo đảm tín dụng	CLO1																							
			CLO2																							
			CLO3																							
	8																									
		Tổng hợp học phần PL kinh doanh BDS	CLO1																							
			CLO2																							
			CLO3																							
	8																									
			CLO1																							
			CLO2																							
			CLO3																							
	8																									
			CLO1																							
			CLO2																							
			CLO3																							
	8																									
			CLO1																							
			CLO2																							
			CLO3																							
	8																									

			Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																					
T	Học kỳ	Tên học phần (HPI)	CLOi	PLO1		PLO2		PLO3		PLO4		PLO5		PLO6		PLO7		PLO8		PLO9		PLO10		PLO11																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																
				P	I	1	2	1	2	3	1	2	3	4	1	2	3	4	5	6	7	8	1	2	3	4	5	6	7	8	1	2	3	4																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																						
53		Tổng hợp học phần Luật Đầu tư	CLO1														3																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																							</

16. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

TT	Mã HP	Tên Học phần	Mô tả
1	MLM306	Triết học Mác-Lênin / Marxist-Leninist philosophy	Triết học Mác – Lênin là môn học cơ bản, cung cấp kiến thức chung nhằm trang bị thế giới quan duy vật khoa học và phương pháp luận biện chứng duy vật cho người học. Môn học giúp người học xác định đúng vai trò, vị trí của triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội. Môn học góp phần nâng cao bản lĩnh chính trị, từng bước hình thành những giá trị văn hoá và nhân sinh quan tốt đẹp, củng cố lý tưởng, niềm tin vào con đường và sự nghiệp xây dựng, phát triển đất nước từ đó nâng cao ý thức trách nhiệm xã hội phù hợp trong vị trí việc làm và cuộc sống sau khi người học tốt nghiệp
2	MLM307	Kinh tế chính trị Mác - Lê nin/ Marxist-Leninist political economics	Kinh tế chính trị Mác - Lê nin là môn khoa học kinh tế, là một bộ phận cấu thành của khoa học Mác – Lênin. Nó nghiên cứu các quan hệ xã hội của con người trong quá trình sản xuất, trao đổi, tiêu dùng của cải vật chất qua các giai đoạn phát triển của lịch sử xã hội loài người. Thông qua đó, làm rõ bản chất của các quá trình và các hiện tượng kinh tế, tìm ra các quy luật vận động của nền kinh tế - xã hội
3	MLM308	Chủ nghĩa xã hội khoa học/ Scientific Socialism	Chủ nghĩa xã hội khoa học là một trong ba bộ phận hợp thành của chủ nghĩa Mác – Lênin, nghiên cứu những quy luật tất yếu của sự ra đời hình thái kinh tế xã hội cộng sản chủ nghĩa; những vấn đề chính trị - xã hội có tính quy luật trong tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa trên thế giới và trong đời sống hiện thực ở Việt Nam hiện nay
4	MLM309	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam/ History Of Vietnamese Communist Party	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam là môn học thuộc giai đoạn đại cương, bao gồm 4 chương, cung cấp các kiến thức cơ bản về: sự ra đời của Đảng; quá trình lãnh đạo cách mạng của Đảng trong các giai đoạn; thành công, hạn chế, bài học kinh nghiệm về sự lãnh đạo của Đảng, nhằm giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN.
5	MLM303	Tư tưởng Hồ Chí Minh/ Ho Chi Minh's Ideology	Tư tưởng Hồ Chí Minh là môn học thuộc giai đoạn đại cương, bao gồm 6 chương, cung cấp các kiến thức cốt lõi về: Quá trình hình thành, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Đảng Cộng sản và Nhà nước Việt Nam; Đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; Văn hóa, đạo đức, con người và sự vận dụng của Đảng Cộng sản trong cách mạng Việt Nam, Qua môn học này sinh viên được nâng cao bản lĩnh chính trị, yêu nước, trung thành với mục tiêu, lý tưởng của cách mạng Việt Nam; nâng cao được trách nhiệm của bản thân trong việc học tập, rèn luyện để góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ Quốc.

6	MLM305	Logic học/ logics	Logic học là môn học thuộc nhóm kiến thức giáo dục đại cương được xây dựng để cung cấp cho người học những tri thức cơ bản về các hình thức và quy luật của tư duy. Môn học giúp nâng cao khả năng tư duy của người học; giúp nhận ra và tránh nguy hiểm, biết cách định nghĩa các khái niệm và thuật ngữ, biết cách chứng minh hoặc bác bỏ một quan điểm, luận đề.
7	SOC301	Cơ sở Văn hóa Việt Nam/ The basis of Vietnamese culture	Cơ sở văn hóa Việt Nam là môn học thuộc giai đoạn đại cương, cung cấp cho sinh viên hai khối kiến thức cơ bản: phần thứ nhất cung cấp những tiền đề lý luận chung về văn hóa và văn hóa học; phần thứ hai cung cấp các kiến thức cơ bản, hệ thống về văn hóa Việt Nam. Môn học có ý nghĩa thiết thực về khoa học và hoạt động thực tiễn, giúp bổ sung những vấn đề lý thuyết và phương pháp tiếp cận nghiên cứu văn hóa Việt Nam.
8	LAW332	Nhập môn ngành luật/ Introduction of Law	Môn học cung cấp những quan niệm cơ bản về pháp luật, giá trị pháp luật với đời sống xã hội, về đào tạo luật, chức danh công việc pháp luật tại Việt Nam. Sinh viên được tiếp cận nền tảng lý thuyết cơ bản về pháp luật, nghề nghiệp pháp luật, đạo đức của người hành nghề pháp luật. Ngoài ra, sinh viên sẽ tích lũy các kỹ năng, phương pháp tư duy pháp lý. Đây là môn học thuộc khối kiến thức đại cương dành cho sinh viên Chuyên ngành luật kinh tế và là cơ sở để sinh viên định hướng nghề nghiệp, định hướng tiếp cận đến những môn học pháp luật khác.
9	LAW701	Phương pháp NCKH pháp lý/ Legal scientific research methods	Môn học cung cấp cho người các kiến thức cơ bản về khoa học, nghiên cứu khoa học và phương pháp nghiên cứu khoa học làm cơ sở cho người học nhận nhận về phương pháp nghiên cứu khoa học pháp lý trong hệ thống khoa học xã hội. Từ các kiến thức nền tảng đã được trang bị, người học có thể ứng dụng vào việc thực hiện các hoạt động khoa học pháp lý trong suốt thời gian theo học ở Trường với nhiều cấp độ nghiên cứu khoa học pháp lý khác nhau.
10	LAW350	Lý luận về nhà nước và pháp luật/ Theory of State and Law	Môn học Lý luận nhà nước và pháp luật là môn học bắt buộc thuộc khối kiến thức đại cương trong chương trình đào tạo cử nhân Luật kinh tế. Nội dung môn học hướng tới các vấn đề: Vị trí vai trò, đối tượng, phương pháp luận của Lý luận Nhà nước và pháp luật trong hệ thống các khoa học xã hội và pháp lý; Đối tượng và phương pháp nghiên cứu, phương hướng phát triển của ngành khoa học; Lý luận nhà nước bao gồm những vấn đề lý luận cơ bản về nhà nước nói chung và những vấn đề lý luận cơ bản về nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam. Sự hình thành, phát triển của pháp luật; các khái niệm cơ bản về pháp luật, vai trò, giá trị, các mối liên hệ của pháp luật, hình thức, nguồn pháp luật; kiểu lịch sử của pháp luật,

			quy phạm và quan hệ pháp luật, ý thức pháp luật; pháp chế; thực hiện và áp dụng luật; hệ thống pháp luật; xây dựng pháp luật; cơ chế điều chỉnh pháp luật, tổng quan về các hệ thống pháp luật cơ bản trên thế giới. Kết thúc môn học sinh viên hiểu được các vấn đề cơ bản về nhà nước và pháp luật, cũng như hiểu được cách vận hành của hệ thống pháp luật từ đó có tinh thần trách nhiệm, ý thức tuân thủ pháp luật trong công việc và cuộc sống.
11	LAW303	Lịch sử nhà nước và pháp luật Việt Nam/ History of Vietnam state and law	Lịch sử nhà nước và pháp luật Việt Nam là môn khoa học pháp lý cơ sở ngành cung cấp những kiến thức cơ bản về quá trình hình thành, phát triển của Bộ máy nhà nước và pháp luật Việt Nam qua các thời kì. Từ đó, khái quát đặc điểm trong quá trình hình thành, phát triển của Nhà nước-Pháp luật Việt Nam trong tiến trình lịch sử. Sinh viên hoàn thành môn học có được các kiến thức về lịch sử về nhà nước và pháp luật Việt Nam, qua đó hiểu và làm cơ sở để tìm hiểu hệ thống pháp luật hiện hành.
12	LAW703	Xã hội học pháp luật/ Legal Sociology	Xã hội học pháp luật là môn học tự chọn thuộc khối kiến thức đại cương ngành Luật kinh tế, môn học cung cấp, trang bị cho sinh viên cách tiếp cận mới – tiếp cận xã hội học đối với các sự kiện, hiện tượng pháp luật xảy ra trong xã hội thông qua việc áp dụng các phương pháp điều tra xã hội học để thu thập, xử lý và phân tích các thông tin thực nghiệm làm sáng tỏ nguồn gốc, nguyên nhân, bản chất của chúng. Xã hội học pháp luật giới thiệu các trào lưu nghiên cứu pháp luật trên thế giới để có cái nhìn đối sánh với luật học trong nước; làm rõ mối quan hệ giữa pháp luật với các chuẩn mực xã hội khác, như chuẩn mực chính trị, chuẩn mực đạo đức, chuẩn mực tôn giáo...; phân tích, làm nổi bật các khía cạnh xã hội của hoạt động xây dựng, thực hiện và áp dụng pháp luật trong thực tiễn xã hội. Từ đó hình thành cho sinh viên khả năng nghiên cứu độc lập, hiểu được các quy luật và tính quy luật của quá trình phát sinh, tồn tại, hoạt động của pháp luật trong xã hội trong mối liên hệ với các chuẩn mực xã hội khác.
13	LAW709	Luật và chính sách công/ law and public policy	Môn học cung cấp cho người các kiến thức cơ bản về luật và chính sách công. Từ các kiến thức nền tảng đã được trang bị, người học có thể nhận diện được mối quan hệ giữa Luật và Chính sách công, cơ chế chuyển hoá từ chính sách công thành luật, sự tham gia của các lực lượng xã hội vào quá trình hoạch định, xây dựng, triển khai, tổng kết thực hiện luật và chính sách công.

14	LAW727	PL về quyền con người/ human rights law	Pháp luật về quyền con người là môn học tự chọn trong khối kiến thức đại cương. Môn học cung cấp cho người học kiến thức về quyền và tự do cơ bản của con người, quyền của nhóm người yếu thế trong xã hội và các thiết chế của Liên hợp quốc, Việt Nam về bảo đảm và thúc đẩy quyền con người. Môn học nâng cao nhận thức sinh viên, hình thành ý thức trách nhiệm với cộng đồng, với loài người.
15	MES302	Kinh tế học vi mô/ Microeconomics	Kinh tế học vi mô là môn học thuộc khối kiến thức cơ sở khối ngành. Môn học nhằm hướng đến các mục tiêu: (i) Cung cấp kiến thức nền tảng về kinh tế học nói chung và kinh tế học vi mô nói riêng; (ii) Thực hành một số kỹ năng cần thiết như: Kỹ năng đọc, kỹ năng tự học, kỹ năng làm việc nhóm. Để đạt được các mục tiêu trên, môn học sẽ cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản gồm: Mười nguyên lý kinh tế học; các lý thuyết về cung – cầu; các cấu trúc thị trường; lý thuyết hành vi của người tiêu dùng và của doanh nghiệp.
16	MES303	Kinh tế học vĩ mô/ Macroeconomics	Môn học nhằm hướng đến mục tiêu trang bị cho sinh viên: (i) hiểu biết về các khái niệm kinh tế vĩ mô cơ bản, cách thức đo lường các chỉ tiêu của nền kinh tế vĩ mô và mối quan hệ giữa chúng; (ii) hiểu biết về các chính sách của chính phủ trong điều hành kinh tế vĩ mô. Để đạt được các mục tiêu trên, môn học gồm 8 chương, cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về kinh tế học vĩ mô, bao gồm: tổng quan về kinh tế học vĩ mô, dữ liệu kinh tế vĩ mô, sản xuất và tăng trưởng, hệ thống tiền tệ, tổng cầu và tổng cung, chính sách tiền tệ và chính sách tài khóa, lạm phát và thất nghiệp, kinh tế học vĩ mô của nền kinh tế mở.
17	LAW302	Luật Hiến pháp/ Constitutional Law	Môn học Luật Hiến pháp cung cấp những kiến thức lý luận nền tảng về hoạt động tổ chức quyền lực nhà nước, bao gồm các nội dung chính: Nguồn gốc và bản chất của quyền lực nhà nước; quy định cơ bản về các chế độ xã hội: chế độ chính trị, chế độ kinh tế, chế độ văn hóa, chế độ an ninh-quốc phòng...; quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân cũng như mức độ tham gia của nhân dân vào việc tổ chức quyền lực nhà nước; các nguyên tắc cơ bản về tổ chức và hoạt động của các cơ quan, các tổ chức, các cá nhân trong việc tổ chức và thực hiện quyền lực nhà nước. Môn học quy định các nguyên tắc chủ đạo; nền tảng kiến thức cơ bản về hoạt động tổ chức quyền lực nhà nước cho các môn học liên quan đến nhà nước và pháp luật - những kiến thức cơ bản mà sinh viên luật phải nắm vững

			trong suốt quá trình học tập, nghiên cứu và hoạt động nghề nghiệp sau này.
18	LAW308	Luật Hành chính/ Administrative Law	Luật hành chính là môn khoa học pháp lý chuyên ngành, cung cấp những kiến thức nền tảng cơ bản về quản lý hành chính nhà nước; hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước; vi phạm hành chính, trách nhiệm hành chính; các biện pháp xử lý vi phạm hành chính; các biện pháp bảo đảm thi hành quyết định xử phạt hành chính và các biện pháp giám sát, kiểm soát hoạt động của chủ thể quản lý hành chính nhà nước.
19	LAW309	Luật Hình sự/ Criminal Law	Luật hình sự là môn học thuộc khối kiến thức cơ sở ngành. Môn học nhằm hướng đến các mục tiêu: (i) Cung cấp kiến thức nền tảng về luật hình sự nói chung và các loại tội phạm quy định trong luật hình sự nói riêng; (ii) Thực hành một số kỹ năng cần thiết như: Kỹ năng đọc, kỹ năng tự học, kỹ năng làm việc nhóm. Để đạt được các mục tiêu trên, môn học sẽ cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản gồm: Tổng quan kiến thức những vấn đề lý luận về tội phạm và hình phạt thông qua việc giới thiệu và phân tích quy định Phần Chung của Bộ luật hình sự; định tội danh và xác định khung hình phạt thông qua việc giới thiệu và phân tích quy định Phần riêng của Bộ luật hình sự. Từ đó, giúp sinh viên hiểu rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của môn học Luật hình sự trong việc xác lập những vấn đề mang tính nền tảng nhằm tạo nên nền tảng cho sinh viên trong kỹ năng phát hiện vấn đề và xác định tội danh đối với vụ án hình sự.
20	LAW306	Luật dân sự 1/ Civil Law 1	Luật Dân sự 1 là môn học bắt buộc, thuộc khối kiến thức cơ sở ngành. Môn học trang bị cho sinh viên kiến thức nền tảng về những vấn đề chung của Luật Dân sự như: quan hệ pháp luật dân sự, giao dịch dân sự, thời hạn, thời hiệu, nghĩa vụ dân sự và bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự. Từ đó, sinh viên có thể vận dụng kiến thức một cách có hệ thống để đánh giá thực tiễn, giải quyết các vấn đề pháp lý phát sinh trong lĩnh vực dân sự.
21	LAW307	Luật dân sự 2/ Civil Law 2	Đây là môn học bắt buộc trong phần kiến thức cơ sở ngành thuộc chương trình đào tạo. Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức chuyên sâu về nghĩa vụ dân sự và bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự; hợp đồng; thực hiện công việc không có uỷ quyền, nghĩa vụ hoàn trả do chiếm hữu, sử dụng tài sản, được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật; trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng. Từ đó, sinh viên có thể vận dụng kiến thức này vào các vấn đề pháp lý thực tiễn phát sinh trong lĩnh vực dân sự.

22	LAW321	Luật tố tụng dân sự/ Civil Procedure Law	Môn học này thuộc nhóm kiến thức chuyên ngành luật. Luật tố tụng dân sự cung cấp cho người học những kiến thức pháp lý về trình tự, thủ tục giải quyết vụ việc dân sự, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, cơ quan và tổ chức tại toà án. Nội dung môn học trình bày các quy định của pháp luật tố tụng dân sự và thực tiễn thực hiện chúng tại các cơ quan tư pháp, bao gồm: Khái niệm và các nguyên tắc cơ bản của luật tố tụng dân sự; thẩm quyền dân sự của toà án nhân dân; nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; quyền, nghĩa vụ của người tham gia tố tụng; chứng minh và chứng cứ trong tố tụng dân sự; biện pháp khẩn cấp tạm thời; cấp, tổng đạt và thông báo các văn bản tố tụng; trình tự, thủ tục giải quyết vụ việc dân sự tại toà án cấp sơ thẩm, phúc thẩm và thủ tục xét lại bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của toà án...
23	LAW339	Luật tố tụng hình sự/ Criminal Procedure Law	Luật tố tụng hình sự là môn học thuộc khối kiến thức cơ sở ngành. Môn học nhằm hướng đến các mục tiêu: (i) Cung cấp kiến thức nền tảng về Thẩm quyền giải quyết các vụ án hình sự của các cơ quan tiến hành tố tụng hình sự nói chung và mối quan hệ giữa các cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiến hành tố tụng nói riêng; (ii) Thực hành một số kỹ năng cần thiết như: Kỹ năng đọc, kỹ năng tự học, kỹ năng làm việc nhóm. Để đạt được các mục tiêu trên, môn học sẽ cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản gồm: Điều kiện để các cơ quan nhà nước giải quyết vụ án hình sự, trình tự, thủ tục của tố tụng hình sự bao gồm: khởi tố vụ án hình sự, điều tra vụ án hình sự, truy tố, xét xử vụ án hình sự và thi hành bản án, quyết định của Tòa án về hình sự. Nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ giữa các cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiến hành tố tụng, nhiệm vụ, trách nhiệm, quyền hạn của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, quyền và nghĩa vụ của người tham gia tố tụng, cơ quan, tổ chức, cá nhân và hợp tác quốc tế trong tố tụng hình sự.
24	LAW333	Công pháp quốc tế/ International public law	Môn học cung cấp những kiến thức lý luận cơ bản, quy định của pháp luật thực định về Luật quốc tế như: khái luận chung về Luật quốc tế; quốc gia trong Luật quốc tế; dân cư trong Luật quốc tế; lãnh thổ và biên giới quốc gia; Luật biển quốc tế; Luật ngoại giao và lãnh sự; Luật kinh tế quốc tế; giải quyết tranh chấp trong Luật quốc tế. Đồng thời, môn học còn cung cấp kiến thức thực tiễn về xây dựng, ban hành và thực thi Luật quốc tế giữa các chủ thể luật quốc tế thông qua các tình huống pháp lý thực tế liên quan đến nội dung môn học.

			Từ hệ thống kiến thức trên, sinh viên có tư duy pháp lý thống nhất, toàn diện và đúng đắn về Luật quốc tế theo sự phát triển của bối cảnh quan hệ quốc tế giữa các chủ thể luật quốc tế.
25	LAW704	Soạn thảo văn bản/ Documentary draft	Soạn thảo văn bản là môn học bắt buộc trong chương trình đào tạo chuyên ngành Luật kinh tế. Nội dung môn học về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản, phong cách ngôn ngữ trong văn bản, quy trình soạn thảo văn bản hành chính. Kết thúc môn học, Sinh viên có kiến thức và kỹ năng soạn thảo văn bản đúng yêu cầu về thể thức, nội dung của các loại văn bản phổ biến trong hoạt động quản lý nhà nước.
26	ENP712	Tiếng Anh pháp lý 1/ English for Legal professionals 1	Đây là môn học bắt buộc thuộc nhóm môn học cơ sở ngành, bao gồm 2 chương nội dung. Môn học được thiết kế nhằm cung cấp từ vựng, khái niệm về các quy định trong việc thành lập công ty (các loại hình công ty, chọn loại hình công ty phù hợp), và luật lao động. Sinh viên có cơ hội tiếp cận với các kiến thức nền tảng của các lĩnh vực này, từ đó sinh viên được thực hành 4 kỹ năng ngôn ngữ chuyên sâu, vận dụng các kiến thức và từ vựng chuyên ngành thông qua đa dạng các hoạt động như thảo luận nhóm, đối thoại, thuyết trình để giải quyết các tình huống thực tế.
27	ENP311	Tiếng Anh pháp lý 2/ English for Legal professionals 2	Đây là môn học bắt buộc thuộc nhóm môn học cơ sở ngành, bao gồm 3 chương nội dung. Môn học được thiết kế nhằm trang bị cho sinh viên các thuật ngữ tiếng Anh sử dụng trong lĩnh vực pháp luật mua bán hàng hóa và dịch vụ, Luật sở hữu trí tuệ, Luật phá sản cũng như quyền và nghĩa vụ của các bên công ty liên quan; từ đó sinh viên được thực hành 4 kỹ năng ngôn ngữ, vận dụng các kiến thức và từ vựng chuyên ngành thông qua đa dạng các hoạt động như thảo luận nhóm, đối thoại, thuyết trình.
28	LAW337	Luật hôn nhân và gia đình/ Family and marital law	Luật Hôn nhân và gia đình là môn học bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành. Môn học trang bị cho sinh viên kiến thức pháp luật nền tảng về hôn nhân và gia đình. Từ đó, sinh viên có thể vận dụng kiến thức một cách có hệ thống để đánh giá thực tiễn, giải quyết các vấn đề pháp lý phát sinh trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình; giải quyết tranh chấp, yêu cầu trong tố tụng dân sự liên quan lĩnh vực hôn nhân và gia đình.
29	LAW348	Tư pháp quốc tế/ International private law	Đây là môn học bắt buộc trong phần kiến thức cơ sở ngành thuộc chương trình đào tạo ngành luật kinh tế. Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức nền tảng về điều chỉnh pháp luật đối với các quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài, nguyên tắc và cách thức giải quyết các xung đột pháp luật và xung đột về thẩm quyền trong giải quyết những vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài; công nhận và cho thi hành bản án, quyết định của Tòa án nước ngoài, Trọng tài

			nước ngoài. Trên cơ sở kiến thức nền tảng này, sinh viên có thể nghiên cứu kiến thức chuyên sâu về giải quyết xung đột pháp luật và xung đột về thẩm quyền trong các quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài cụ thể như sở hữu, thừa kế, hợp đồng, bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, hôn nhân và gia đình. Môn học còn cung cấp cho sinh viên kiến thức về thực tiễn xây dựng, ban hành và thực thi về tư pháp quốc tế ở Việt Nam. Từ đó, sinh viên có cách nhìn toàn diện và hệ thống về tư pháp quốc tế nói riêng và hệ thống pháp luật Việt Nam nói chung trong bối cảnh hội nhập quốc tế hiện nay.
30	LAW338	Luật Lao động/ Labour law	Luật Lao động là môn học bắt buộc trong chương trình đào tạo ngành Luật Kinh tế. Môn học này cung cấp cho sinh viên những vấn đề lý luận, thực tiễn liên quan quan hệ pháp luật lao động và một số quan hệ pháp luật khác có liên quan như việc làm, học nghề, hợp đồng lao động; thỏa ước lao động tập thể; quyền và nghĩa vụ của người lao động, người sử dụng lao động, của các chủ thể khác có liên quan trực tiếp đến quan hệ pháp luật lao động, đình công. Song song với việc nghiên cứu các vấn đề pháp lý của Việt Nam, sinh viên còn nghiên cứu các vấn đề lao động quốc tế. Để từ đó, sinh viên có ý thức tuân thủ pháp luật, đạo đức nghề nghiệp, bảo vệ lợi ích công cộng và có trách nhiệm xã hội; có khả năng học tập suốt đời; có khả năng vận dụng kiến thức xã hội, kinh tế, pháp lý nền tảng một cách hệ thống để giải quyết các vấn đề pháp lý phát sinh trong xã hội.
31	LAW712	Luật môi trường/ Environment law	Luật môi trường là môn học thuộc chuyên ngành pháp luật kinh tế, nghiên cứu các vấn đề cơ bản về giải quyết vấn đề môi trường bằng pháp luật, cung cấp cho người học những kiến thức lý luận chung về luật bảo vệ môi trường, bảo vệ các thành phần môi trường, di sản thiên nhiên. Vấn đề quy hoạch, chiến lược và nội dung bảo vệ môi trường cũng như đánh giá tác động môi trường chiến lược và tác động môi trường, giấy phép môi trường, trong đó chú trọng vào trách nhiệm của chủ dự án đầu tư sau khi có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường cũng như trách nhiệm của cơ quan thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường. Đặc biệt, môn học tập trung nội dung bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ, đô thị và nông thôn và một số lĩnh vực ngành luật kinh tế hướng đến. Ngoài ra, môn học này cũng cung cấp cho người học kiến thức liên quan đến việc thực thi các công ước quốc tế trong lĩnh vực môi trường ở Việt Nam cũng như cơ chế giải quyết các tranh chấp nảy sinh trong lĩnh vực này. Từ các kiến thức nền tảng đã được trang bị, người học có thể ứng

			dụng vào việc thực hiện các hoạt động nghiên cứu về môi trường ở nhiều cấp độ khác nhau.
32	LAW318	Luật Sở hữu trí tuệ/ Intellectual Property Law	Môn học này thuộc nhóm kiến thức chuyên ngành luật, là môn học trong giai đoạn chuyên ngành thuộc quản trị nguồn nhân lực và phân tích dữ liệu mạng XH. Môn học cung cấp cho những kiến thức cơ bản về sở hữu trí tuệ, như các vấn đề lý luận cơ bản về bảo hộ SHTT trên phạm vi, đối tượng bảo hộ, cách thức bảo hộ, quyền được bảo hộ, thời hạn bảo hộ... cho tất cả các lĩnh vực của SHTT bao gồm: quyền tác giả, quyền liên quan đến quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng mới. Môn học cũng cung cấp kiến thức về quy trình, thủ tục đăng ký các đối tượng của quyền SHTT giúp người học nắm bắt được cơ chế đảm bảo thực thi quyền SHTT trong các quy định pháp luật
33	LAW710	Luật cạnh tranh/ competition law	Luật cạnh tranh là môn học cung cấp các kiến thức pháp luật về bảo vệ cạnh tranh trong kinh doanh. Sinh viên được tiếp cận các vấn đề về: i) Những vấn đề lý luận chung về cạnh tranh và pháp luật cạnh tranh, ii) Căn cứ xác định hành vi hạn chế cạnh tranh; iii) Pháp luật về kiểm soát thỏa thuận hạn chế cạnh tranh; iv) Pháp luật về kiểm soát lạm dụng vị trí thống lĩnh, vị thế độc quyền; v) Pháp luật kiểm soát tập trung kinh tế; vi) Pháp luật về cạnh tranh không lành mạnh; vii) Tổ tụng cạnh tranh, thủ tục miễn trừ và chế tài xử lý đối với hành vi vi phạm pháp luật cạnh tranh.
34	LAW336	Luật đất đai/ Land Law	Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản bao gồm các nội dung chủ yếu như khái niệm ngành Luật Đất đai, các nguyên tắc cơ bản của Luật Đất đai; Khái niệm và nội dung quản lý nhà nước về đất đai, địa vị pháp lý của người sử dụng đất, phân loại đất và thủ tục hành chính trong quản lý và sử dụng đất; thanh tra và xử lý vi phạm pháp luật về đất đai; tranh chấp đất đai và khiếu nại, tố cáo về đất đai. Bên cạnh đó, môn học cũng hướng đến người học tiếp cận các tình huống thực tiễn liên quan đến nội dung của môn học. Học phần gồm 5 chương: Chương 1. Những vấn đề lý luận cơ bản về Pháp luật đất đai; Chương 2. Địa vị pháp lý của người sử dụng đất; Chương 3. Chế định về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về đất đai và sử dụng các loại đất; Chương 4. Chế định về thủ tục hành chính trong quản lý và sử dụng đất đai. Chương 5. Tài chính về đất đai, giá đất, đấu giá quyền sử dụng đất và quản lý nhà nước về đất đai
35	LAW311	Luật thương mại 1/ commercial law 1	Luật thương mại 1 được thiết kế là học phần trong khối kiến thức chuyên ngành thuộc trong chương trình đào tạo cử nhân luật của Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM.

			Học phần này cung cấp những kiến thức cơ bản, cốt lõi về thương nhân. Thông qua nội dung học phần sẽ giúp người học vận dụng quy định pháp luật thương mại để nhận diện các vấn đề pháp lý, đưa ra các lập luận để nhận xét, đánh giá, xử lý các tình huống pháp lý phát sinh trong quá trình thành lập, hoạt động, quản trị và chấm dứt tư cách thương nhân.
36	LAW312	Luật thương mại 2/ commercial law 2	Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản cho người học về các hoạt động thương mại của thương nhân, bao gồm thương mại hàng hóa, thương mại dịch vụ, hoạt động trung gian thương mại và xúc tiến thương mại và các hoạt động thương mại khác, trách nhiệm pháp lý và chế tài thương mại được áp dụng đối với các chủ thể tham gia hoạt động thương mại có hành vi vi phạm.
37	LAW317	Luật Ngân hàng/ Banking Law	Môn học này thuộc nhóm kiến thức chuyên ngành luật. Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức pháp lý cơ bản về tổ chức và hoạt động của Ngân hàng nhà nước và các tổ chức tín dụng, về chế độ quản lý ngoại hối, tín dụng, cho thuê tài chính... đồng thời cũng trang bị kỹ năng áp dụng đúng pháp luật để giải quyết những tình huống trong lĩnh vực ngân hàng. Các chủ đề của môn học bao gồm: Những kiến thức cơ bản về ngân hàng và hoạt động ngân hàng, địa vị pháp lý của Ngân hàng Nhà nước, địa vị pháp lý của ngân hàng và các tổ chức tín dụng, các hoạt động ngân hàng (huy động vốn và cấp tín dụng), chế độ cho vay, bảo lãnh và bao thanh toán, cho thuê tài chính và quản lý ngoại hối.
38	LAW319	Luật chứng khoán/ Securities Law	Môn học cung cấp cho người các kiến thức cơ bản về chứng khoán, thị trường chứng khoán và điều chỉnh của pháp luật trên cơ sở đó người học có thể nhận diện được cơ chế vận hành và sự điều chỉnh của pháp luật đối với hoạt động chứng khoán và thị trường chứng khoán. Từ kiến thức đã được tích lũy, người học có thể chủ động sử dụng quy định của Luật Chứng khoán để tham gia thị trường với các tư cách khác nhau, đồng thời có thể cung cấp các tư vấn pháp luật ở mức độ cơ bản cho các chủ thể tham gia thị trường.
39	LAW711	Luật Tài chính/ financial law	Môn học này thuộc nhóm kiến thức chuyên ngành luật, là môn học bắt buộc trong giai đoạn chuyên ngành. Môn học hướng đến các mục tiêu (i) cung cấp kiến thức pháp lý cơ bản trong lĩnh vực tài chính công, cơ sở khoa học của việc ban hành chính sách về tài chính công (ii) kỹ năng áp dụng pháp luật về tài chính công để giải quyết các tình huống trong chấp hành chính sách tài chính công. Để đạt được các mục tiêu trên môn học Luật Tài chính sẽ cung cấp những kiến thức pháp lý về chấp hành, thu, chi

			ngân sách và thuế, xử lý vi phạm pháp luật về ngân sách và thuế.
40	LAW721	Luật thương mại quốc tế/ International Commercial Law	Môn học trang bị cho người học kiến thức về những điểm khác biệt giữa giao dịch của các thương nhân trong nước và giao dịch giữa thương nhân trong nước với thương nhân nước ngoài; kiến thức về các thiết chế điều chỉnh hoạt động thương mại quốc tế; đồng thời cung cấp cho người học một số kiến thức cơ bản về các giao dịch trong thương mại quốc tế và pháp luật hợp đồng trong thương mại quốc tế; trang bị cho người học những kỹ năng pháp lý cần thiết trong việc đàm phán, soạn thảo ký kết, thực hiện một số loại hợp đồng thương mại quốc tế.
41	LAW720	Luật thương mại điện tử/ E-Commerce Law	Môn học Luật về thương mại điện tử là môn học trong khối kiến thức chuyên ngành thuộc chương trình đào tạo Cử nhân ngành Luật Kinh tế tại trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh. Môn học gồm những nội dung cơ bản sau: Lý luận về hoạt động thương mại điện tử và lý luận pháp luật về thương mại điện tử; pháp luật về các hình thức hoạt động thương mại điện tử: Website thương mại điện tử bán hàng, Website cung cấp dịch vụ thương mại điện tử; Pháp luật về giao kết hợp đồng trong hoạt động thương mại điện tử; pháp luật về an toàn, an ninh trong giao dịch thương mại điện tử; Pháp luật về quản lý nhà nước về hoạt động thương mại điện tử...
42	LAW335	Kỹ năng thực hành nghề luật/ Skills in legal practice	Đây là môn học bắt buộc dành cho sinh viên chuyên ngành luật kinh tế và là tiền đề cho việc thực hiện nghề luật của người tốt nghiệp. Môn học cung cấp những kiến thức, kỹ năng chuyên sâu trong hoạt động nghề luật. Các chủ đề trong môn học bao gồm: đạo đức trong việc hành nghề luật; kỹ năng nghiên cứu hồ sơ; kỹ năng đàm phán, tranh luận; kỹ năng viết và trình bày vấn đề pháp lý. Các bài tập tình huống đi kèm bài giảng nhằm trang bị những kỹ năng cần thiết và hữu ích cho những sinh viên có định hướng nghề nghiệp liên quan đến ngành luật.
43	INT308	Thực tập tốt nghiệp/ Bachelor internship	Thực tập tốt nghiệp là học phần hướng dẫn sinh viên tham quan, khảo sát, nghiên cứu, thực hành các hoạt động thực tiễn pháp lý liên quan đến lĩnh vực pháp luật kinh tế tại các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp và các tổ chức khác. Thông qua quá trình thực tập, sinh viên sẽ ứng dụng các kiến thức đã học vào môi trường, vào hoạt động kinh doanh cụ thể để hiểu rõ hơn lý thuyết, giúp sinh viên bổ sung các kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp cần thiết cho tương lai và đóng góp các ý kiến cho đơn vị tại nơi thực tập.
44	REP308	Khoá luận tốt nghiệp/	Khoá luận tốt nghiệp là một sản phẩm khoa học, phản ánh kết quả nghiên cứu khoa học của sinh viên về lĩnh vực pháp luật kinh tế. Trên cơ sở định hướng và chỉ dẫn của

		Dissertations on Economic Law	người hướng dẫn khoa học, sinh viên sẽ ứng dụng kiến thức ngành, chuyên ngành luật kinh tế và phương pháp nghiên cứu khoa học để nghiên cứu một vấn đề thực tiễn. Từ đó gợi ý định hướng hoặc đề xuất giải pháp góp phần hoàn thiện vấn đề phát sinh trong thực tiễn. Qua học phần này, sinh viên sẽ rèn luyện được kỹ năng nghiên cứu độc lập, kỹ năng tìm kiếm, thu thập và chọn lọc tài liệu cũng như kỹ năng phân tích, tổng hợp và tư duy phê phán.
45	Law725	Luật kinh doanh bảo hiểm/ Insurance Business Law	Môn Luật kinh doanh bảo hiểm nhằm cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về hoạt động kinh doanh bảo hiểm, các nguyên tắc cơ bản trong hoạt động kinh doanh bảo hiểm, hợp đồng bảo hiểm, bảo hiểm con người, bảo hiểm tài sản, bảo hiểm trách nhiệm dân sự, quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh bảo hiểm, doanh nghiệp bảo hiểm, đại lý bảo hiểm và doanh nghiệp môi giới bảo hiểm.
46	LAW714	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong doanh nghiệp/ Legal consulting skills in enterprises	Môn học cung cấp các kiến thức kỹ năng hoạt động tư vấn pháp luật của người học trong doanh nghiệp. Gồm có: Kỹ năng tư vấn pháp luật về thành lập, tổ chức lại doanh nghiệp; Kỹ năng tư vấn pháp luật về tổ chức, quản trị điều hành doanh nghiệp; Kỹ năng tư vấn pháp luật về sử dụng lao động; Kỹ năng tư vấn pháp luật về thuế cho doanh nghiệp; Kỹ năng tư vấn pháp luật đầu tư, kinh doanh cho doanh nghiệp; Kỹ năng tư vấn về thương thảo ký kết hợp đồng và quản lý rủi ro hợp đồng; Kỹ năng tư vấn pháp luật về vốn và tài sản trong doanh nghiệp; Kỹ năng thương lượng, hòa giải giải quyết tranh chấp trong nội bộ doanh nghiệp.
47	LAW716	Kỹ năng đàm phán, soạn thảo hợp đồng/ Contract Drafting And Negotiation Skills	Kỹ năng đàm phán, soạn thảo hợp đồng là môn học bắt buộc thuộc định hướng hoạt động tài chính ngân hàng và định hướng ứng dụng số trong nghề luật. Môn học trang bị cho sinh viên kỹ năng đàm phán, soạn thảo các hợp đồng thông dụng. Từ đó, sinh viên vận dụng các kỹ năng đã học, tự tin tham gia đàm phán hợp đồng, soạn thảo hoặc xem xét, kiểm tra các hợp đồng trong thực tế.
48	LAW716	Kỹ năng giải quyết tranh chấp kinh doanh/ Dispute resolution skills	Khi thực hiện hoạt động kinh doanh, các chủ thể luôn ở trong nhiều mối quan hệ pháp luật như đầu tư, quản lý doanh nghiệp, phân chia lợi nhuận, hợp đồng, Việc tham gia vào các quan hệ này nhằm mục đích tìm kiếm lợi nhuận nên các bên đều mong muốn giao dịch thành công. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện các giao dịch, có thể phát sinh nhiều tranh chấp, mâu thuẫn về lợi ích giữa các chủ thể kinh doanh. Vì thế, để hoạt động kinh doanh không bị gián đoạn, việc giải quyết tranh chấp là hết sức cần thiết. Môn học này sẽ cung cấp cho sinh viên những kỹ năng để giải

			quyết các tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại.
49	Law726	Tội phạm kinh tế và PL về phòng chống tham nhũng/ Economic Crime and Prevention of Corruption	Học phần tự chọn thuộc khối kiến thức cơ sở ngành. Môn học nhằm hướng đến các mục tiêu: (i) Cung cấp kiến thức nền tảng về tội phạm kinh tế được quy định trong luật hình sự và các biện pháp phòng chống tham nhũng; (ii) Thực hành một số kỹ năng cần thiết như: Kỹ năng đọc, kỹ năng tự học, kỹ năng làm việc nhóm. Để đạt được các mục tiêu trên, môn học sẽ cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản gồm: Tội phạm kinh tế do cá nhân, pháp nhân thương mại thực hiện trên thị trường. Phân tích thành phần các tội phạm kinh tế. Môn học cung cấp kiến thức phòng chống tham nhũng trong khu vực công và khu vực tư. và đưa ra các biện pháp để chủ động phòng ngừa, ngăn chặn các hành vi phạm tội trong các lĩnh vực này, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, giáo dục mọi người ý thức tuân thủ pháp luật, đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm.
50	LAW719	Luật an sinh xã hội/Social security law	Luật An sinh xã hội là môn học bắt buộc thuộc nhóm kiến thức chuyên ngành trong nhóm học phần Định hướng quản trị doanh nghiệp. Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức, kỹ năng liên quan đến an sinh xã hội; bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp; bảo hiểm y tế; ưu đãi xã hội và trợ giúp xã hội. Từ đó, sinh viên có ý thức tuân thủ pháp luật, đạo đức nghề nghiệp, bảo vệ lợi ích công cộng và có trách nhiệm xã hội.
51	LAW713	Pháp luật về bảo đảm tín dụng/ Law on credit guarantees	Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức chuyên sâu về các biện pháp bảo đảm trong hoạt động tín dụng gồm: : Những vấn đề chung về biện pháp bảo đảm và quy định pháp luật về biện pháp bảo đảm trong hoạt động tín dụng, Các biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự trong hoạt động tín dụng, Pháp luật về xử lý tài sản bảo đảm trong hoạt động tín dụng. Ngoài ra, sinh viên được tiếp cận nền tảng lý thuyết và kỹ năng thực hành liên quan đến pháp luật về bảo đảm nghĩa vụ vào trong quá giải quyết tranh chấp vụ việc thực tế phát sinh từ giao dịch bảo đảm trong hoạt động tín dụng.
52	LAW342	Pháp luật kinh doanh bất động sản / Law on Real property trade	Môn học Pháp luật kinh doanh bất động sản bao gồm 5 chương nhằm cung cấp kiến thức pháp lý về hoạt động kinh doanh bất động sản ở Việt Nam. Sinh viên được tiếp cận các nguyên tắc cơ bản trong hoạt động kinh doanh bất động sản và kinh doanh bất động sản thuộc lĩnh vực nhà ở thương mại. Trong đó, nghiên cứu ba nhóm hoạt động kinh doanh bất động sản: kinh doanh bất động sản sẵn có; kinh doanh bất động sản hình thành trong tương lai; kinh doanh dịch vụ bất động sản. Trên cơ sở phân tích rõ các điều

			kiện áp dụng cho kinh doanh bất động sản như mua bán nhà, công trình xây dựng và kinh doanh dịch vụ bất động sản như môi giới, định giá bất động sản, sàn giao dịch bất động sản, các dịch vụ bất động sản khác như tư vấn, quản lý bất động sản và hợp đồng kinh doanh bất động sản. Bên cạnh đó, sinh viên sẽ được tiếp cận các tình huống thực tiễn liên quan đến nội dung của môn học
53	LAW722	Luật đầu tư/ Investment law	Môn Luật Đầu tư cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về pháp luật đầu tư trong nền kinh tế thị trường, các hình thức đầu tư; quyền và nghĩa vụ của nhà đầu tư trong hoạt động đầu tư; các biện pháp đầu tư, ưu đãi và hỗ trợ đầu tư; thủ tục đầu tư, triển khai dự án đầu tư; hoạt động đầu tư kinh doanh với nhà nước và đầu tư ra nước ngoài.

17. Hướng dẫn thực hiện

17.1. Dạy và học trực tuyến: Tối đa 30% tổng khối lượng của chương trình đào tạo được thực hiện bằng lớp học trực tuyến.

17.2. Khối kiến thức giáo dục đại cương: Các môn lý luận chính trị, Các môn khoa học cơ bản để giúp sinh viên có kiến thức, kỹ năng cần thiết để lĩnh hội kiến thức giáo dục chuyên nghiệp.

17.3. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: hệ thống các môn học cơ sở ngành, ngành và chuyên ngành để cung cấp cho sinh viên các kiến thức nghề nghiệp, tạo điều kiện thực hiện tốt các vị trí công việc. Các học phần thuộc kiến thức chuyên nghiệp được lồng ghép các kỹ năng nghề nghiệp.

17.4. Các học phần Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng An ninh: là điều kiện để xét công nhận tốt nghiệp, không được sử dụng để tính điểm trung bình chung tích lũy.

17.5. Chuẩn tin học: sinh viên đạt một trong các điều kiện:

- Sinh viên có Chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin nâng cao do Trường cấp;
- Sinh viên có các chứng chỉ khác tương đương theo thông báo của Trường.

17.6. Chuẩn tiếng Anh

a) Điều kiện để học tiếng Anh pháp lý: Sinh viên phải đạt yêu cầu của Trường thông qua kỳ kiểm tra năng lực tiếng Anh đầu khóa, hoặc điểm tiếng Anh quốc tế tương đương A2 (TOEIC 350, IELTS 3.5 ...). Sinh viên thực hiện nộp chứng chỉ/chứng nhận trình độ ngoại ngữ theo thông báo của Trường.

b) Chuẩn tiếng Anh đầu ra: Sinh viên phải đạt chuẩn đầu ra trình độ tiếng Anh tối thiểu ở bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, hoặc có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế tương đương theo danh mục Trường thông báo; sinh viên nộp các chứng chỉ/chứng nhận theo thông báo của Trường.

17.7 Hoạt động ngoại khóa và hoạt động phục vụ cộng đồng

a) Sinh viên tham gia ít nhất 2 hoạt động ngoại khóa về chuyên môn pháp luật: (1) phiên tòa giả định do Khoa, Đoàn Khoa hoặc Câu lạc bộ pháp lý tổ chức (trong thành phần ban tổ chức, người tham dự phiên tòa); (2) cuộc thi pháp luật các cấp trong và ngoài trường; (3) hoạt động NCKH các cấp trong và ngoài trường; (4) các hoạt động ngoại khóa khác. Minh chứng là chứng nhận (hoặc danh sách) tham gia được cung cấp bởi Ban tổ chức hoặc các minh chứng phù hợp khác.

b) Sinh viên phải tham gia ít nhất 2 hoạt động phục vụ cộng đồng. Trường quy định về hoạt động phục vụ cộng đồng./.

DUYỆT CỦA HIỆU TRƯỞNG



PGS., TS. Nguyễn Đức Trung

**KHOA PHỤ TRÁCH CTĐT
TRƯỞNG KHOA**

Nguyễn Ngọc Anh Đào